TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Ai sửa lại quyển « Lục Vân-Tiên »...? *Dương-quảng-Hàm*
* Đại-nam dật-sự (II) *Nguyễn-Văn-Tố*
* Chí-hướng của phần đông thanh niên tân học *Phạm-mạnh-Phan*
* Nội dung hộ Lịch triều hiến-chương (III) *Hoa-Bằng*
* Góp ý-kiến vào câu chuyện Lạc-vương, Hùng-vương *Ngô-đức Kinh*
* Dịch thơ tây *Cách-chi*
* Tùy hứng *Bà Mộng-Sơn*
* Tạo-hóa với Nhân-loại (II) *Minh-Tuyền*
* Một vài kiến văn trong dịp đi thăm lăng Bồi khê . . . . . (Hết) *Vu-Ngã*
* Những ông nghè triều Lê (LV) *Ứng-Hòe*
* Tả-quân Lê-văn-Duyệt (V) *Nguyễn Triệu*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXVIII) *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 105**
Thứ năm, 29 Juillet 1943

0$30

THI-TAN

Một vấn-đề về văn-học sử nước ta

AI SỬA LẠI QUYỂN «LỤC VÂN-TIÊN» của Nguyễn Đình-Chiểu ?

GẦN đây trong Nam-kỳ có làm lễ kỷ-niệm nhà thi-sĩ Nguyễn Đình-Chiểu (1) là tác-giả quyển truyện *Lục Vân-Tiên*.

Nhân việc kỷ-niệm ấy, tôi muốn đem một vấn-đề có liên-lạc đến bản truyện *Lục Vân-Tiên* để chất-vấn các bậc túc-nho trong nước, mong các bậc ấy để tâm kê-cứu và sưu-tầm tài-liệu để giải-quyết một vấn-đề có quan-hệ đến văn-học sử nước ta.

Nhân tôi có dịp so-sánh mấy bản in (cả bản nôm lẫn bản quốc-ngữ) cuốn truyện *Lục Vân-Tiên* thì tôi nhận thấy rằng các bản tôi được xem có thể chia ra làm hai loại, không kể các chỗ khác nhau lặt-vặt trong những bản in thuộc về mỗi loại ấy :

1·) Các bản in về loại A có thể lấy bản in do Abel des Michels xuất-bản ở Paris năm 1883 làm mẫu ;

2·) Các bản in về loại B có thể lấy bản in do hiệu sách Kim-Khuê xuất-bản ở Hà-nội làm mẫu.

Đem hai bản ấy mà đối-chiếu, tôi nhận thấy rằng hai bản không phải chỉ khác nhau ở những chỗ lặt-vặt về một hai chữ và do nhiều nguyên-nhân gây nên (chữ khắc sai, in lầm, phiên-âm sai, đánh dấu sai, v. v.) mà thực là khác nhau rất nhiều, thường có cả câu hoặc cả đoạn dài không giống nhau (xem *Bản phụ-lục* ở dưới bài). Cả về số câu ; bản B cũng hơn bản A nhiều : thường có nhiều đoạn ở bản B có mà ở bản A không có, hoặc ở bản A thì ngắn mà ở bản B thì dài hơn ; một đôi khi lại trái lại thế.

Những điều ấy tỏ ra rằng : trong hai bản ấy, một bản là nguyên-văn do Nguyễn Đình-Chiểu viết ra mà bản kia là do một văn-sĩ nào đó — có lẽ quê ở ngoài Bắc — đã nhân bản trên mà sửa lại, có thể nói là làm lại cũng đúng. Vậy ta phải tự hỏi rằng : trong hai bản ấy, bản nào là bản nguyên-tác của Nguyễn Đình-Chiểu mà bản nào là bản đã sửa lại và người sửa lại là ai ? Đó là một vấn-đề có quan-hệ đến văn-học sử cận-đại của nước ta.

Riêng về phần tôi, hiện nay chưa đủ tài-liệu để giải-quyết vấn-đề ấy một cách hoàn-toàn, nhưng có một vài điều nhận-xét khiến cho tôi có cái cảm-tưởng rằng bản A là bản nguyên-tác của tác-giả mà bản B là bản sửa lại. Vì trong bản A, ta thấy có ít nhiều tiếng hoặc chỉ dùng riêng trong Nam-kỳ hoặc thông-dụng ở trong ấy hơn ở ngoài Bắc, tỉ như : *bậu* (này), *đặng* (được), *rồi* (xong), *rày* (nay), *nhuốm* (mắc) bệnh, hãy *tua* (nên) chậm chậm, *dậc-dờ* hồn mai, *xốn-xang* lòng vàng, v. v. Còn phần nhiều các bản in lưu-hành ở ngoài Bắc lại thuộc về loại B : trừ bản in Kim Khuê nói trên còn có những bản in của các hiệu sách Văn-minh, Phúc văn cũng đều giống nhau, chỉ khác một vài chỗ lặt-vặt thôi.

Nhưng đó mới là một điều phỏng-đoán, cần phải tìm tang-chứng chắc-chắn mà khảo-sát lại.

Bởi vậy tôi xin đem vấn-đề ấy trình bày cùng các bậc lưu-tâm đến nền văn-học cổ nước ta, mong rằng những bậc nào còn giữ được các bản thảo hoặc bản in cũ (nhất là bản nôm) đem ra mà so-sánh với các bản in mới để xét xem bản nào là bản nguyên-tác, lại gia công tìm trong đám gia-phả, nhật-ký của các bậc tiền-nhân xem có điều ghi chép gì khiến cho ta có thể biết được tên họ và thân-thế của nhà văn-sĩ đã sửa lại bản truyện *Lục Vân-Tiên*.

DƯƠNG QUẢNG-HÀM

Bản phụ-lục

Số 1. — Trích-lục một đoạn truyện *Lục Vân-Tiên* mà cách chép trong hai bản A và B khác nhau về lời văn (những chữ khác nhau đều in nghiêng).

Bản A
(bản in Abel des Michels)

Ngư *rằng* : « *Người ở cùng ta,*
« *Hôm mai hầm hút với già*
cho vui ! »
Tiên rằng : « *Ông lấy chi nuôi !*

1) *Do hội Khuyến-học Nam kỳ tổ-chức ngày 28 Juin 1943.*

« Thân này khác thể trái mùi trên cây !
« Mây mà trôi nổi tới đây,
« Không chi báo đáp, mình này trơ trơ !»
Ngư rằng : *« Lòng* lão *chẳng mơ ?*
« Dốc làm nhơn nghĩa, hà chờ trả ơn ?
« Nước trong rửa ruột sạch trơn ;
« Một câu « danh lợi » *chẳng sờn lòng đây !*
« Dày doi, mai vịnh, vui *vầy ;*
« Ngày *kia* hứng *gió*, đêm *nầy chơi* trăng.
« Một mình thong thả làm ăn,
« Khỏe quơ chài *kéo, mệt quăng* câu dầm ;
« Nghêu-ngao nay *chích*, mai đầm ;
« Một bầu trời đất, vui thầm ai hay ?

Bản B (bản in Kim-Khuê)

Ngư *ông nghe nói động lòng :*
« Dám xin hiền-sĩ ở cùng với tôi.»
Chàng rằng : *« Ơn nặng bể giời,*
« Lẽ ra tôi phải nghe nhời ông nay.
« Hiềm vì muốn báo ơn dày,
« Cho nên muốn gửi ông ngay một nhời.»
Ông rằng : *« Chí* lão *thảnh-thơi,*
« Muốn lòng làm phúc, chẳng thời tưởng ơn.
« Ơn nhờ lộc nước, lộc non,
« Đến như danh lợi, *dám còn nghĩ nay.*
« Sớm ca, tối vịnh, vui *thay !*
« Ngày *dài* hứng gió, đêm *chầy nhởn giăng.*
« Bến Tầm-dương, bãi Giang-lăng,
Khi quăng chài *lưới khi giăng* câu dầm.
Nghêu-ngang nay *vũng*, mai đầm,
Một bầu giới đất, vui thầm ai hay ?

Số 2. — Trích-lục một đoạn truyện *Lục Vân-Tiên* mà cách chép trong hai bản A và B khác nhau cả về số câu và lời văn.

Bản A (12 câu)

(a) (diễn ý trong 2 câu)

Vân-Tiên *nhớ tới Hàn-giang :*
« Võ-công người ở gần đàng đây chăng ?»

(b) (diễn ý trong 10 câu)

Ngư, rằng : *« Ta ở đông-lân,*
« Khỏi ba khúc vịnh, thời *lần đến nơi.»*
Tiên rằng : *« Xưa đã gá lời,*
« Sui ra bao nỡ đổi dời chẳng thương ?
« Vợ chồng là đạo tao khương,
« Chi bằng tới đó tìm phương gửi mình ?
« Trăm năm muốn trọn ân tình,
« Gặp cơn hoạn nạn ai đành bỏ nhau.
« Chút nhờ cứu trí ơn sâu !
« Xin đưa *tới đó trước sau cho tròn.»*

Bản B (18 câu)

(a) (diễn ý trong 6 câu)

Vân-Tiên *nghe thấy nhời vàng,*
Trong lòng kính phục muôn vàn ngư-ông.
Song nay mình chửa an lòng,
Tìm đường muốn đến thăm cùng nhạc-gia.
Thưa rằng : « Ông ở đâu ta ?
« Chẳng hay có biết cửa nhà Vũ-công ?»

(b) (diễn ý trong 12 câu)

Ngư rằng : *« nhà ở phía Đông,*
« Khỏi ba khúc vịnh thì *trông thấy rồi.»*
Tiên rằng : *« Ấy nhạc-phụ tôi,*
« Vốn xưa đã có nhận nhời thông gia,
« Bởi vì đôi ngả cách xa,
« Cho nên chưa họp một nhà phượng loan.
« Vả người dòng dõi y quan,
« Có đâu phụ nghĩa tham sang mà ngờ ?
« Rể con hoạn-nạn bơ-vơ,
« Lòng nào mà nỡ làm ngơ cho đành ?
« Dám xin người hãy xét tình,
« Tạm đưa tôi đến nương mình, cảm ơn.»

D. Q. H.

***

Dưới đây Tri-Tân xin trích-lục bài của ông K. V. (Những bổn Lục Vân-Tiên đã xuất bản) đã đăng trên tờ *Nam-kỳ tuần báo*, số đặc-biệt, 26 Juin 1943, để cung thêm tài-liệu cho tiện việc tham khảo về *Lục Vân-Tiên* và để các bạn thấy cuốn *Lục Vân-Tiên* đã được văn-học-giới Pháp Nam chú ý là thế.

T. T

Những bản Lục Vân-Tiên đã xuất bản

1. — Lục Vân-Tiên, poème populaire annamite, traduit par G. Aubaret, Consul de France à Bangkok. Paris, Imprimerie Impériale MDCCCLXIV, in-8, PP. 98 (Extrait n° 1 de l'année 1864 du « Journal asiatique »).

(Xem tiếp trang 20)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 2

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

II. — Người Nam làm quan Tàu

Người Nam làm quan Tàu thì nhiều, song có bốn ông có thể làm tiêu-biểu cho hai cái quan-niệm khác nhau. Bốn ông ấy là Lý-Tiến, Lý-Cầm, Lý-ông-Trọng, và Khương-công-Phụ.

Lý-Tiến làm thứ-sử châu Giao về đời Hán. Thứ-sử là quan đầu tỉnh; nước ta bấy giờ cũng như một tỉnh của Tàu, cho nên chức thứ sử châu Giao cũng như ông vua nước Nam về sau. Lý-Tiến là người nước Nam, lại được thống-trị nước Nam vào thời Bắc-thuộc, thật là một việc ít có. Lý-Cầm cũng là người nước Nam, thì lại làm đến ty-lệ hiệu-úy nước Tầu, tức như thủ-tướng bây giờ. Hai ông th rờng xin với vua quan nước Tàu cho nhân-tài nước ta được tuyển-cử ngang với nhân-tài nước Tàu. Sau kết-quả vua Tàu cho một người mậu-tài (tức tú-tài bây giờ) làm quan lệnh (tức tri-huyện) Hạ-dương, một người hiếu-liêm (tức cử-nhân) làm quan lệnh Lục-hợp, và Trương-Trọng làm thái-thú Kim-thành. Thế là cách đây 1750 nam, nước ta đã có người biết trọng quyền-lợi của mình, tuy sinh vào thời Bac-thuộc, mà đã biết đòi lấy quyền ngang hàng, tức nh r ta noi bình-đẳng bây giờ.

Còn như Lý-ông-Trọng và Khương-công-Phụ cũng là người nước Nam làm đến thủ-tướng bên Tàu, tuy có sự-nghiệp vẻ-vang, nhưng chỉ lợi cho nước người mà thôi, không ích gì cho nước mình cả. Vì thế mới có câu ca-dao rằng: « Gáo vàng đem múc giếng tây, Khôn-ngoan cho lắm, tớ-thầy người ta! », tức là chê hai ông, tuy tài-giỏi (ví gáo vàng) mà làm quan với Tàu (ví giếng tây), thực là uổng phí cái đời thông-minh xuất chúng!

Gần đây có ông thượng-thư trí-sĩ Nguyễn-van-Mại, đỗ phó bảng khoa kỷ-sửu (1889), khi còn làm bố-chánh Thanh-hóa (1914) có chép những câu ca-dao làm một quyển gọi là *Việt-Nam phong-sử*, đến câu « Gáo vàng... », lại có ý bênh-vực ông Lý-ông-Trọng và Khương-công-Phụ, cho hai ông là biết tùy thời; tôi dịch một đoạn bài bàn của ông Mại ở dưới này:

Nước ta non sông chung đúc, hào-kiệt sinh ra, đời nào cũng có. Như ông Lý-ông-Trọng, ông Khương-công-Phụ, đều là người nước Nam, mà làm quan Tàu. Những bậc thức-giả bấy giờ có ý bất-mãn, cho nên đặt câu ca-dao này để chê: gáo vàng mà múc nước giếng tây, nghĩa là dùng vào chỗ không đáng dùng. Tuy vậy, nhân-tài phải tùy thời tùy chỗ mà lập công-danh; nước ta nội-thuộc với Tàu đã thành một thế-đại (tức nhiều thế kỷ), nếu câu-nệ vào chữ nô-lệ, thì rồi cùng với cỏ cây cùng nát, như Từ-Thức, Đạo-Hạnh, ích gì cho người nước ta? Nếu tự sinh hùng-tài, mà làm việc xung-đột, thì thời chưa làm được, thế chưa làm nổi, rồi cũng đến như Thúc-Loan (Mai-hắc-đế) Bố-cái (Phùng Hưng) mà thôi. Như hai ông họ Lý, họ Khương thật là người biết nghĩa tùy thời, làm cho công-nghiệp hiển-hách ở Bắc-triều, tỏ ra rằng nước Nam cũng có người giỏi. Còn như ông Lý-Tiến người Nam mà cai-trị nước Nam, ông Lý-Cầm người nước Nam mà tiến người nước Nam sang làm quan Tàu, thì tuy là thần-phục Bắc-triều, mà có phụ gì nước Nam đâu? Người đặt câu ca-dao này đối với hai ông họ Lý họ Khương, thật là nông-nổi. »

Đó là ý riêng ông Mại, chứ phần đông quốc-dân đều chê Lý-ông-Trọng và Khương-công-Phụ, mà khen Lý-Tiến, Lý-Cầm. Tiếc rằng chỉ thấy chép có một đời Lý-Tiến làm thứ sử châu Giao, sau lại về tay người Tàu; nhưng cũng nhờ thế, mà sau người Tàu có cử người sang làm quan, cũng phải cử người giỏi như Sĩ Nhiếp, Đào-Hoảnh, v. v. Nếu thứ-sử mà tham-khắc như Tiêu-Tư, thì có những người như Lý-Bôn đứng lên chống-cự, mà chính Lý-Bôn cũng làm quan với Tàu (về đời nhà Lương) như bốn ông tôi kể dưới này.

Bắt đầu kể truyện Lý-Tiến, Lý-Cầm là người đáng để cho nước ta đời nào cũng phải lấy làm gương.

Quê ở Cao-hưng, quận Giao-chỉ, Lý-Tiến là người thông kinh truyện, lúc đầu bổ chức công-tào (tức lại-mục bây giờ) ở quận Giao-chỉ, dần thăng đến chức ky-đô-úy. Năm Vĩnh-hòa thứ hai (137 sau Thiên-Chúa; có lẽ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 28 a, chép nhầm: chính là năm Quang-hòa thứ hai, tức năm 179 sau Thiên-chúa) Kinh-man làm phản, vua Tàu sai Lý-Tiến làm thái-thú quận Linh-lăng để dẹp. Đến năm Trung-bình thứ tư (187) thay Giả-Tung (tức Giả-mạnh-Kiên) làm thứ-sử châu Giao. Nhân xin

vua Tàu cho nhân-tài châu Giao theo lệ cống-sĩ các châu Trung-quốc, được sang Tàu thi : vua nhà Hán ban chiếu y cho.

Lúc bấy giờ Kinh-man còn nổi lên trộm cướp, ngăn cản đường đi đến tận kinh-đô nhà Hán : thế mà các quan hữu-ty lại ra lệnh hễ quá một năm người làm quan không đến được chỗ làm quan, thì không được bổ-dụng. Lý-Tiến dâng sớ rằng : « Nam-giao ở cõi cùng-cực ngoài biên, đường cách bể khơi, đi việc quan phần nhiều trở ngại, sóng gió bất-kỳ, không nên cùng với các châu Trung-quốc theo hạn ấy. » Vì thế, từ bấy giờ hễ ai sang Giao-châu mà quá một năm chưa đến nơi, cũng vẫn được bổ-dụng như thường.

Lý-Tiến lại dâng sớ rằng: « Khắp nơi bãi bể, đều là bầy-tôi vua ; nay những người đỗ làm quan ở triều-đình đều là kẻ sĩ các châu Trung-quốc ; nhưng chưa từng thấy nhà vua tưởng-lệ cho những người phương-xa ». Lời lẽ rất là cảm-thiết, phần nhiều viện dẫn chứng-cớ rõ-ràng.

Theo lệ cũ, những người nước ta đỗ hiếu-liêm (cử-nhân), mậu tài (tú-tài) được bổ chức trưởng lại ở châu mình, chứ không được bổ làm quan các châu Trung-quốc. Lý-Tiến dâng sớ rằng : « Những người Nam mới đỗ hiếu-liêm, xin cho ngang với bác-sĩ nhân-tài 12 châu bên Tàu ». Các quan hữu-ty sợ người phương xa hay nói dối (!) hoặc phỉ báng Trung-triều, nên không cho (chép theo *An-nam chí nguyên*, quyển 3, trang 174, và *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 28 a-b).

Lúc bấy giờ người nước ta có Lý-Cầm, người Giao-chỉ, làm túc vệ ở đài (tức như thi-vệ ở điện nhà vua), đón người làng là lũ Bốc-Long năm sáu người. Nhân ngày tết nguyên-đán các nước về chầu vua Tàu, bọn Bốc-Long phủ phục ở điện đình, tâu rằng : « Ơn vua không đều » (Hoàng-ân bất quân). Các quan hỏi cớ sao. Lý-Cầm nói : « Nước Nam-Việt ở xa, không được giời che đất chở, cho nên mưa ngọt không xuống gió mát không bay ». Lời lẽ rất là khẩn khổ. Vua Tàu ban chiếu yên-ủi, rồi cho một người mậu-tài nước ta làm quan lệnh Hạ-dương, một người hiếu-liêm nước ta làm quan lệnh Lục-hợp. Sau Lý-Cầm làm quan đến tư-lệ hiệu-úy (tức tể tướng), Trương-Trọng làm thái-thú Kim-thành. Xem như thế thì nhân tài nước ta được tuyển cử ngang với người Tàu, bắt đầu từ Lý-Tiến, Lý-Cầm (chép theo *Đại Việt sử ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 9 a).

Nhưng *Khâm-định Việt-sử* lại dẫn một đoạn nói Trương-Trọng làm quan nhà Hán trước Lý-Tiến, Lý-Cầm. Đoạn ấy như sau này : « *Lĩnh-nam di thư* chép : « Trương-Trọng người Hợp phố, là người chăm học, khéo nói, được người Lĩnh-biểu tôn là sĩ-vọng. Quan thứ-sử bấy giờ cử làm tùng-sự Nhật-nam. Khi đem sổ hộ-tịch vào dâng vua Tàu (Minh-đế), vua trông người bé nhỏ, lấy làm ngạc-nhiên, hỏi rằng : « Tiểu lại quận nào kia ? » Trương-Trọng cãi lại rằng : « Tôi là kế-lại ở Nhật-nam, không phải tiểu-lại. Bệ-hạ muốn được người có tài, hay chỉ cân xương đo thịt ? Vua khen lời thưa ấy là phải. Nhân ngày nguyên-đán triều-hội, vua hỏi : « Tên là quận Nhật-nam có phải đứng phía bắc trông mặt giời không ?» Trương-Trọng thưa rằng : « Trong quận có tên Vân-trung (trong mây), Kim-thành (thành vàng) chưa chắc có mây thực vàng thực. Quận Nhật-nam cũng thế : không thật mặt giời mọc phía nam, cũng mọc ở phía đông, khí hậu ấm-áp, trông bóng mặt giời cũng vừa phải, quan dân ở đâu tùy tình, đông tây nam bắc, ngoảnh mặt hướng nào cũng được.» Vua càng trọng, ban cho vàng bạc. « Xét sách *Lĩnh-nam di-thư* chép đến đời Hoàn-đế có người ở Lệ-phố, tên là Từ-Trưng, ngày thường hay ví với Trương-Trọng. Vậy thì Trương-Trọng là người đời Minh-đế nhà Hán, chắc chắn không ngờ. Và Lý-Tiến làm thứ-sử lại ở sau Trương-Trọng cách nhau đến vài mươi năm. Sử cũ (có lẽ *Khâm-định Việt-sử* ám-chỉ bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 9 a) lại chép « Sau Lý-Cầm làm quan đến chức ty-lệ hiệu-úy, Trương-Trọng làm thái-thú Kim-thành, bắt đầu từ Lý-Tiến » thế là nhận nhầm Minh đế nhà Hán (58-74) làm Minh-đế nhà Tấn (227-239).» (dịch trong *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 2, tờ 27 a 28 a).

Dù Trương-Trọng làm quan với Tàu trước Lý-Tiến, xong cũng chỉ là học giỏi, nói khéo, may được vua Tàu dùng, chứ chưa nhất định có lệ người Nam được làm quan Tàu như lời xin của Lý-Tiến, Lý-Cầm. Vậy thì Lý-Tiến, Lý-Cầm vẫn là người có công với nước ta, vì đã biết đòi quyền lợi cho người trong nước.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

HỘP THƯ

Ô. Thanh-Tao, Vinh. Vì lẽ riêng, bài không đăng được. Rất tiếc.

Sự giáo-dục ở Đông-dương và

CHÍ-HƯỚNG CỦA PHẦN ĐÔNG THANH NIÊN TÂN HỌC

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRÊN mặt tờ tạp chí này, ông bạn thân mến của tôi, Nguyễn Nhân, đang hiến các bạn đọc những bài khảo cứu công phu và rành mạch cùng những thiên luận thuyết về « vấn đề học », một vấn đề rất can hệ đến cuộc tiến hóa của đất nước đã từng làm tổn biết bao bút mực.

Hôm nay ở đây, tôi không muốn làm một việc mà Nguyễn quân đang làm.

Chủ ý của tôi là chỉ muốn hiến các bạn đọc thân mến những điều đại cương về việc giáo dục ở đây và ghi chép lấy vài con số mà tôi đã biên được trong hội chợ triển lãm (f ire exposition) ở Hanoi năm 1941, để độc giả rõ sự mở mang trí thức của người đồng chủng bên sự dìu-dắt của các nhà đương đạo pháp.

***

Về sự giáo dục, ngoài việc xây trường và đào tạo các giáo viên, nha Học-chính Đông-dương còn có một ban chuyên môn gồm có các nhà sư phạm Pháp, Nam lành nghề soạn các sách giáo khoa cho các trường bậc sơ học và bậc trung học.

Từ năm 1925 đến 1941, nha Học-chính đã cho in tất cả 9.400.000 quốn sách học bằng các thứ chữ dùng trên bán đảo Đông-dương và cả bằng các thổ ngữ miền thượng du (dialectes montagnards).

Các sách đó đều có một tính cách đặc biệt, có tranh ảnh làm vui mắt trẻ em và giá rất hạ để bán cho các trường.

Thường thường mỗi cuốn dày từ 54 tới 126 trang mà giá chỉ có từ 3 tới 6 xu.

Các sách giáo khoa đã in trong khoảng 16 nam (1925-1941) đem cân ra thì nặng tới 925 tấn (mỗi tấn : 1.000 ki-lô-gam).

Trọng lượng ấy bằng cái trọng lượng của 10 chiếc đầu toa máy xe lửa (locomotives) mà các bạn vẫn thường thấy hằng ngày.

Nếu tính bề mặt (surface) các trang sách đã in thì bề mặt đó rộng tới 2.800 mẫu tây (1 hectare : 10.000 thước vuông).

Người ta có thể đem cái diện tích ấy phủ trên một con đường rộng 16 thước và dài từ Hanoi tới Saigon (1728 km).

Nếu đem các sách đã xuất bản ấy mà tính gộp thành khối thì được 1500 thước khối (mètres cubes). Đó là cái thể tích (volume) của một chiếc nhà gạch hai tầng

Những sách đã in ấy phần nhiều dùng ở bậc sơ học.

Ở các bậc cao-đẳng tiểu học và trung học, mỗi trường thường có một thư viện riêng, hằng năm vẫn cho các học sinh thuê bằng một giá hạ.

Trong trường Đại-học thì đã có một thư viện rộng rãi để riêng cho các sinh viên được ra vào tự do.

Thư viện ấy kể tới 1941 có 22.400 cuốn sách chia ra các loại :

7430	cuốn	về	khảo-chứng (documentations)
5710	»	»	ban thuốc và dược học
1980	»	»	luật
1030	»	»	nông-chính
5950	»	»	các luận án (thèses)
300	»	»	ban công chính.

Thư viện lại còn có 131 các tạp chí hằng tuần và hằng tháng.

Ngoài ra nha Học-chính vẫn cho ấn hành các thứ nguyệt san bằng quốc văn và pháp văn để giúp các giáo viên trong các khóa học.

Ở Bắc-Kỳ có *Học-báo* bằng quốc ngữ và tập *Tổng kỷ-yếu* của nha Học-chính bằng chữ pháp.

Ở Nam-kỳ và miền Trung-kỳ có tập *Sư phạm học khóa*.

Ở Cao-miên cũng có tập *Kỷ yếu* bằng tiếng mên.

Ở Huế ta cũng nên chú ý tới tờ *Giáo dục tạp chí* cũng có mục đích giáo khoa, ra hằng tháng, được Giáo-dục Nam-triều đỡ đầu và do một nhóm các quan lại và các nhân viên trong giáo giới miền Trung chủ-trương.

***

Đó là nói qua về các sách, báo dùng để làm lợi khí trong việc mở mang trí thức dân chúng ở đây.

Hiện giờ ở khắp cõi Đông-dương sự giáo dục đang được khuếch trương một cách sốt sắng

hòng chống lại với thần Dốt đã từng hãm hại dân chúng trong vòng tối tăm ngu xuẩn.

Các nhà cầm quyền cùng với phái trí thức của đất nước đang cùng nhau cộng sự chặt chẽ để nâng cao trình độ đồng bào ta trên con đường khai hóa đầy hứa hẹn.

Sự cộng tác ấy chứng tỏ bằng việc các trường tư được ngày thêm mở rộng phạm vi và hội Truyền-bá quốc-ngữ được Chính-phủ đỡ đầu cùng toàn thể quốc dân ủng hộ.

Không kể hàng vạn người biết đọc và viết quốc ngữ do hội đó dạy, số người đi học ở toàn cõi Đông-dương được chừng trên 70 vạn người (kể tới năm 1941).

Trong số các học sinh đó thì 137.400 là học trò các trường tư, còn đều là ở các trường công rải rắc ở khắp các xứ.

Nếu chia ra từng bậc thì người ta thấy :

1· bậc đại học có 890 sinh viên
2· » trung học » 1630 học sinh
3· » cao đẳng tiểu học » 15.800 »
4· » tiểu học » 92.200 »
5· » sơ học » 526.000 »

Muốn cho tiện việc sổ sách và kiểm soát, những thư từ và mandat xin gửi cho ông :
Ng. Tường-Phượng chủ-nhiệm tạp-chí Tri-Tân và giám-đốc nhà in Tri-Tân.
95-97 Rue Chanceaulme Hanoi

Trong số 890 sinh viên về niên khóa 1941-42 thì tính theo thứ tự có:

409 sinh viên Bắc-kỳ
171 » Nam-kỳ
146 » Pháp
144 » Trung-kỳ
8 » Tàu
7 » Cao-mên
5 » Lào

Các sinh viên đó theo học các ban : ban thuốc được nhiều người học hơn hết (301 người), rồi theo thứ-tự tới các ban : khoa học, luật, mỹ thuật, nông lâm, công chính và thú y.

Xem bản thống-kê ấy, người ta cũng rõ khuynh-hướng rõ rệt của lớp thanh niên trí thức hiện thời đã có óc thiên về khoa học.

Về lớp người từ 1935 đến 1940 thì người ta nhận thấy trong số 106 sinh viên đã đỗ bằng cử nhân luật có :

37 người vào quan trường
17 » làm tập viên
5 » làm tham tá
13 » làm trạng sư
15 » tham tá lục sự
4 » làm sở Đoan

Còn hơn chục người làm các nghề tự do.

***

Đọc qua bản liệt kê các nghề trên đây trong khoảng 1935-1940, các bạn cũng rõ chí hướng của phần đông các thanh niên trí thức nước ta giữa thế-kỷ thứ 20 này.

Cái chí hướng ấy thế nào ? Có 106 « ông cử » mà tới 36 « ông » *có chí làm quan* ! Con số hùng biện ấy cũng đủ nói nhiều với các bạn.

Cho hay câu « *Mỗi người An-nam có một ông quan trong bụng* » của một văn nhân pháp (phải chăng của Jules Boissière ?) đến bây giờ hãy còn đúng.

Trong số 106 người mà chỉ có trên chục người ham sống một cuộc đời tự lập ngoài sự cưu mang của Chính-phủ.

Bảo rằng phần đông thanh niên trí thức *học để đi làm công* không phải là một sự nói ngoa vậy.

Trừ một số ít đã sớm tỉnh ngộ tự mưu lấy một cuộc sống ngoài vòng cương tỏa, biết đáp theo tiếng gọi của tài năng mà tìm lấy một con đường thích hợp với tâm tính, với chí hướng mình, còn phần đông trong đám thanh niên trí thức vẫn lần theo vết xe cũ mà hòng kéo lê cuộc đời vô thi vị trong cảnh « sáng vác ô đi tối vác về ».

Cái chí hướng ấy đáng ca tụng hay nhuốm vẻ bi quan cho tương lai đất nước ?

Tôi xin để bạn đọc bình tâm xét đoán.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Sắp có bán
QUÊ HƯƠNG
NGUYỄN TUÂN
Gần 500 trang. — Ấn loát công phu. Bản thường: 4$50. Bản quí : 20$
Anh Hoa
69-Rue du Charbon Hanoi
Thư và tiền để tên
ô. Mai-văn-Phúc

NỘI DUNG BỘ « LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG » (1)

Số 3

HOA-BẰNG

VII. — Hình-luật chí
(Quyển XXXIII — XXXVIII)

Mở đầu loại chí này, Phan-Huy-Chú, tác-giả Lịch triều hiến-chương, viết : « Làm việc cai trị, tất phải dùng đến hình-luật để răn kẻ gian-ác và nghiêm sự cấm giới vậy ».

Tác giả xét kỹ ở Quốc-sử, nhặt rộng ở sách xưa, thuật lại những sự hoặc noi theo hoặc sửa đổi ở các đời mà chép ra những điều thuộc về hình luật. Trong chia :

1·) *Lịch đại san định chi cương* (những điều đại cương các đời đã sửa đặt : quyển 33).

2·) *Hình pháp danh lệ chi biệt* (những điều phân-biệt về hình-pháp danh lệ : quyển 34).

3·) *Vệ cấm quân-chính chi luật* (những luật về quân-lính vệ cấm : quyển 35).

4·) *Hộ hôn điền sản chi luật* (những luật về việc hộ, việc hôn và điền sản : quyển 35).

5·) *Đạo tặc gian dâm chi luật* (những luật về tội trộm, cướp, gian dâm : quyển 36).

6·) *Âu tụng trá ngụy chi luật* (những luật về âu-đả, tố-tụng, lừa-đảo : quyển 36).

7·) *Vi chế tạp phạm chi luật* (những luật về tội trái lệnh, phạm phát : quyển 37).

8·) *Bộ vong đoán ngục chi* [illegible]*ật* (những luật về việc bắt kẻ [illegible]n tránh và về cách xử-đoán kiện[illegible] : quyển 37).

[illegible]) *Khám ngục sự lệ chi luật* [illegible]ng luật về sự-lệ khám xét án [illegible] và ngục tụng : quyển 38).

[illegible]) *Hình điền luật chương* [illegible]ển 38).

Để giải-thích ý-nghĩa về hình-luật, tác giả có nói : « Hình-phạt là thứ đồ để giúp việc cai-trị, dẫu không phải là việc nên làm trước trong đạo làm chính-trị, nhưng pháp-luật để cấm dân làm xằng, thánh-nhân cũng có bỏ đâu. Vậy điều chế cấm lệnh là sự đề phòng trong cách trị đời. Đối với cái phép dùng hình-luật của các đời, đáng nên châm-chước để cầu cho vừa phải vậy ».

Về loại *Hình-luật chí* này, ông Deloustal có dịch ra chữ pháp, đề là *La Justice dans l'Ancien An-nam* đăng trong tùng-san của trường Viễn-Đông Bác-cổ, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XXII.

VIII. — Binh-chế chí
(Quyển XXXIX — ILI)

Trước hết tác-giả nói qua binh-chế ngày xưa là lối « ngụ binh ư nông ». Lúc vô sự thì binh lính tan về nơi đồng ruộng, lúc động dụng thì mở sổ gọi hết ra, nên có thể đủ quân mà không tốn-kém.

Rồi tác-giả kể qua công-việc làm loại-chí này, tìm rộng sử cũ, gồm nhặt sách xưa, phân loại chia điều mà chép, bắt đầu từ Đinh (968-979), Lê (980-1008), đến cuối Lê Trung-hưng (1533-1787).

1) *Ngạch cất đặt* (quyển 39). Nói bắt đầu từ đời vua Đinh Tiên-hoàng, năm Thái-bình thứ năm (974) đặt ra thập đạo quân rồi lần-lượt kể đến cách sắp-đặt ở đời Lê Cảnh-hưng (1740-1786).

2) *Phép kén lựa* (quyển 39). Kể từ đời vua Lê Đại Hành năm Thống-thiên thứ 7 (995) điểm dân làm binh, rồi đến phép giản-tuyển ở hồi Cảnh-hưng thứ 2, thứ 3 (1741-42).

3) *Điển lệ dưỡng tuất* (quyển 40). Phần này, tác-giả chỉ nói sơ-qua về đời Lý (1010-1224), Trần (1225-1399), nhưng kỹ-càng từ đời vua Lê Thái-Tổ (1428-1433) trở đi. Trong chia làm *lẫm lộc, vọng tiền, cấp dược* (cho thuốc) và *tặng tuất*.

4) *Chính-sự điều khiển và tập-luyện* (quyển 40), trong chia : *y-phục, khí-giới, voi, ngựa, trận*.

5) *Những điều răn cấm* (quyển 40) : Cấm *trốn-tránh*, cấm *những tệ*, cấm *sơ lược*, cấm *kiêu-ngạo, lười biếng*.

6) *Phép khảo thí* (quyển 41) : *Võ cử*, phép khảo *cung nỏ*, phép khảo *võ nghệ*, phép khảo *trận thế*, phép khảo *đồng hồ*, phép khảo *giao trật* (đánh vật), lệ khảo *sạ sự* (lệ tập bắn ở bên khảo đàn), lệ thưởng sự *bắn trúng nhiều hay ít*, lệ cứ năm nào đến kỳ tháng sáu, nước sông tới chân lầu Ngũ-long thì có cuộc khảo bắn, gọi là *trung-hà khảo sạ*.

7) Lệ *hầu chầu* (quyển 41), trong chia : sự-lệ về dịp *tết Nguyên đán*, sự-lệ về *yết Nam-giao*, sự-lệ về *kỳ-đạo*, sự-lệ về *tiết diên thọ*, sự-lệ về *tiết thọ đản* sự-lệ về *tiết đoan-ngọ*, sự-lệ phụng hầu *ngự tắm*, sự-lệ về *trường thi hội*, sự-lệ về *trường bác cử*, sự-lệ *luân phiên canh gác*.

IX. — Văn tịch chí
(Quyển ILII — ILV)

Trong chia làm 4 phần :

1·) *Hiến chương* (quyển 42) —

Phàm những tập điệp-phả, điển-lễ, hình luật, quan-chế, bản đồ và bang-giao có quan-hệ đến việc quốc-gia đều liệt vào loại *hiến-chương* này. Khảo được 26 tên bộ sách. Kể từ bộ *Hoàng-triều ngọc-điệp*, làm từ năm Lý Thái-tổ thứ 17 (1026) đến cuối *Hồ Thượng-thư gia-lễ* của Hồ-sĩ-Dương, soạn khoảng giữa niên-hiệu Vĩnh-trị (1676-1679).

2) *Kinh-sử loại* (quyển 42) — Phàm nho-lâm các đời hễ trước thuật được sách gì hoặc phát-minh được nghĩa-lý trong kinh tịch, hoặc soạn thuật các sử nam bắc, đều theo thế-thứ trước sau mà liệt làm loại *Kinh-sử*, được tên sách 27 bộ, kể từ bộ *Tứ-thư thuyết-ước* của Chu An đời Trần đến bộ *Chu huấn vựng soạn* của Thạch-động tiến-sĩ Phạm Huy, Nguyễn Du biên tập.

3) *Thi-văn loại* (quyển 43). — Phàm các tập ngự chế của các đời và các tác-phẩm của văn nhân tài tử, danh khanh cự công làm ra và các bộ soạn lục của các nhà đều liệt làm loại *thi-văn*, được tên sách 106 bộ.

Bắt đầu từ *Trần Thái-Tông* (1225-1258) *ngự-tập* đến tập *Chinh-phu ngâm* của Đặng Trần Côn.

4) *Truyện ký loại* (quyển 45) — Phàm thật-lục của các triều, các sách ghi-chép, tạp-chí thấy nghe cho đến các tập-lục về phương-kỹ đều liệt làm loại *truyện-ký*, được tên sách 54 bộ.

Kể từ *Khóa-hư lục* của vua Trần Thái-Tông đến cuối *Nam dược thần hiệu* của Cẩm-giàng Huệ-tĩnh tiên-sinh.

Trong mấy lời ở đầu loại *Văn tịch chí* này, tác-giả có nói, đại khái: Nước Việt ta gọi là nước bình lễ, hàng hơn nghìn năm, điển-tịch ra đời đã có từ lâu lắm.

Từ đời Đinh Lê trở đi, mệnh lệnh từ-chương đã lần lần rõ-rệt: đến đời Lý, đời Trần về sau, văn vật ngày một mở-mang sáng sủa: tham định thì có sách về điển-hiếu điều-luật, ngự chế thì có những thể chiếu, sắc, thi, ca. Huống chi nho sĩ đời sinh, từ chương như rừng, trước thuật ngày một nhiều dần, nếu không gặp ngọn lửa kiếp vận mà cháy theo tro khói thì tất có nhiều sách lắm.

Từ đời Lê dấy lên, khoảng hơn 300 năm, chế-tác lại càng đầy đủ tinh-tường. Văn-hiến ngang với nước Tàu, điển chương đáng làm khuôn mẫu cho đời sau. Trong khoảng đó có lời bàn-luận của minh quân, lương tướng, có sách soạn thuật của danh-sĩ, thạc nho, tỏ ra nghệ-văn cũng là thịnh lắm. Nhưng trải mấy phen biển dâu, thường gặp binh hỏa! Cái nạn người Minh cuối Trần: thư-tịch đã mất cả ở bấy giờ (Hồi Hồ thất thủ, Minh-tướng Trương Phụ đem hết cả cổ kim thư tịch về Kim-lang). Lại đến loạn Trần Cảo ở đầu Lê: văn tịch lại một phen tan mất! (Trần Cảo làm loạn, kinh thành thất-thủ, nhân dân tranh vào cấm sảnh lấy vàng lụa, sách vở rơi vãi bừa bãi đầy đường). Sau khi Trung-hưng, đã từng sưu-tầm nhặt lượm, nhưng gạo đồ bốc chẳng đầy thưng.

Vậy tác-giả khảo-cứu sách xưa, kê rộng sử cũ, tham lục các nhà mà chép đủ tên ách, chia làm bốn loại như trên.

(Còn kỳ nữa)

H. B.

(1) *Đọc Tri-Tân những số 55, 69, 95, 96.*

Sổ lạc quyên sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(Do Hội Khuyến Học Cantho tổ chức)

Số 7

Quí ông: Nguyễn-văn-Trước (Cần-thơ)	2$00
Việt Nam Y Tế hội (Cần-thơ)	10.00
Ngô-quang-Minh thương gia (Cần-thơ	5 00
Tôi g Dinh-Hoà (Cần-thơ)	6 50
Cự Hãng củi (Cần-thơ)	2.00
Khương Hãng củi (Cần-thơ)	1.00
Phạm-văn Ba Hãng củi (Cần-thơ)	1.00
Nguyễn-như-Long (Cần-thơ)	2.00
Dốc phu Sữu (Tam Bình — Vlong)	10 00
Dương than Hỷ Chu quân Mocày	50.00
Nguyễn-văn-Nên Tế Nam Dương (Cần-thơ)	5.00
Phan văn Đà Y-sĩ, Dương dương	5.00
Nguyễn-văn Ngọc Y-sĩ Dương dương	2.00
Ly-quang-Dâu Dương dương (Cần-thơ)	1 00
Nguyễn-ba-Chương Dương dương (Cần-thơ)	1.00
Nguyễn-binh Hàng Dương dương (Cần thơ)	0 50
Hh thị-Thi Dương dương (Cần-thơ)	1.00
Nguyễn nhứt-Cần Dương dương (Can-thơ)	1.00
Phan-văn Ngư Dương dương (Cần-thơ)	1.00
Phan-văn-Kiêm Dương dương (Cần-thơ)	1 00
Hh-văn-Đinh Dương dương (Cần-thơ)	1.00
Nguyễn-phương-Triêm Dương dương (Cần-thơ)	0.50
Phạm-văn-Cầu Dương dương (Can-thơ)	1.00
Nguyễn văn-Thân Dương dương (Cần-thơ)	0.50
Nguyễn-văn-Được Dương dương (Cần-thơ)	0.50
Sổ chung	111.50
ở trước	742.70
cả thảy	856.20

(Còn nữa)

Sử học luận đàn

Góp ý kiến vào câu chuyện

Lạc-vương Hùng-vương

Chúng tôi có nhận được bài này của một độc-giả, trong cũng nói chữ « Lạc vương » là đúng, mà chữ « Hùng-vương » là sai. Nhưng tác-giả lại nói chúng tôi « bàn cãi đã nhiều, song tựu trung người đọc vẫn còn ngờ-vực, không hiểu chữ nào là đúng ». Tác giả nói như thế thì sai, vì chính trong bài chữ Lạc với chữ Hùng đăng trong Tri-Tân, số 101, ngày 1-7-1943, trang 9, cột 1, dòng 25-29, tôi đã viết một câu rằng : « Xét kỹ ra, chữ Lạc-vương rất đúng, vì sách Tàu chép chữ Lạc-vương từ thế-kỷ thứ tư; đến thế kỷ thứ năm mới nhầm ra chữ Hùng-vương ». Rõ ràng như thế chắc độc-giả không có « ngờ-vực » gì cả.

Tác giả nói « vua Thương-đế tên Hiệt mới đặt ra chữ » cũng nhầm, vì hai chữ Thương Hiệt là họ và tên, chứ không phải vua : xem Lục thư hệ vân *(quyển đầu, tờ 12 a) có chữ « Hoàng đế chi sử Thương-Hiệt » nghĩa là quan sử đời Hoàng-đế là ông Thương-Hiệt » ; dưới lại có chua « Thương là họ ».*

Lại đến chỗ tác-giả nói « Lệ-hải bà-vương là bà Trưng ta » cũng nhầm. « Lệ-hải bà vương » là huy-hiệu của người Tàu gọi bà Triệu (ta thường gọi là bà Triệu ẩu) : xem Việt-Nam phong-sử, *tờ 18 a, có câu « Quân trung hiệu vi Nhụy kiều tướng-quân ; Bắc-nhân hiệu vi Lệ-hải bà-vương », nghĩa là trong quân gọi là Nhụy kiều tướng-quân, người Tàu gọi là Lệ-hải bà vương.*

Đấy là những chỗ cần phải nói qua, nên tôi viết mấy dòng này để độc-giả biết ; còn thì cứ nguyên văn đăng lên, để rộng đường ngôn-luận.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

GẦN đây trên tờ *Tri-Tân tạp-chí* và tờ *Tiểu-thuyết thứ bảy*, hai chữ « Lạc-vương, Hùng-vương » được nêu lên để tìm cội-rễ, định rõ tên hiệu ông vua đời Hồng-bàng nước ta.

Một bên cụ Lê-Dư, ông Vũ-Ngọc-Phan ;

Một bên cụ Nguyễn-văn-Tố.

Các ngài bàn cãi đã nhiều, song tựu-trung người đọc vẫn còn ngờ vực, không hiểu chữ nào là đúng.

Vậy, nhân đó, tôi cũng góp một vài ý kiến vào câu chuyện *Lạc Hùng* nầy :

Nói sách, các ngài khảo-cứu rất kỹ, chẳng sót mấy nữa. Tôi khảo đây, cũng không qua mấy bộ sách các ông đã nói, không lẽ nói lặp thêm, chỉ còn một đôi chỗ các ông chưa nói đến, tôi bàn góp vào, để người đọc đọc luôn cả mấy bài, lấy lý tưởng mà suy xét, thì có thể đính chính được chữ *Lạc* chữ *Hùng*, chữ nào là lầm, chữ nào là đúng.

Xét sử sách ta chép việc thời cổ, nước ta có vua đầu tiên là vua Kinh-dương-vương, ngang đời vua Đế-Nghi bên Tàu. Đến đời thứ hai là Lạc-long-quân.

Đời thứ ba là con giai trưởng Lạc-long lên nối ngôi vua, đời đời cha truyền con nối, gọi là *theo đạo cha*. 父道 Cha đã gọi *Lạc-long*, ắt con phải gọi là *Lạc-vương*, mới hợp cái nghĩa *theo đạo cha*.

Khảo đời thượng-cổ nước Tàu vua Thượng-đế tên Hiệt mới đặt ra chữ, chỉ mới đặt được loại chữ *tượng hình*, như chữ điểu vẽ hình con chim, chữ ngư vẽ hình con cá v. v.

Xem sách *Bản thảo cương mục*, 本草綱目 hai chữ *Lạc* thuộc hai giống con vật là chữ *Lạc* bên *xại* 豸 bên *các* 各 thuộc giống lạc hầu 貉猴 như con khỉ lạc hồ 貉狐 như con cáo; có chữ *Lạc* bên *mã* 馬 bên *các* 各 là giống lạc-mã 駱馬 như con lạc đà 貉駝. Xem hai chữ *Lạc* ấy đã thuộc hai giống con vật, thì loại chữ tượng-hình đời thượng-cổ có thể vẽ hình thành chữ được.

Vua Kinh-dương-vương được phong sang làm vua nước ta, ngài chỉ mới biết thứ chữ tượng hình ấy, truyền dạy con cháu, nên con mới đặt làm Lạc-long, có nghĩa chữ *Lạc* là xứ *ăn lòng lỗ*. Đến đời cháu, đã có thứ chữ gì khác đâu? Theo một thứ chữ tượng-hình ấy, phải đặt làm Lạc-vương, người giúp việc đặt Lạc-hầu, Lạc-tướng, một loạt *lạc* hết là phải, không thể có được chữ *hùng*. Mà chữ *hùng* lại thuộc về loài chữ hội-ý trừu-tượng. Vậy đời thượng-cổ làm gì đã có chữ *hùng* mà đặt được làm *Hùng vương* ?

Đến như Hùng-Hiền-vương, Hùng-Oai-vương, Hùng-Tuấn-vương, Hùng-Nghị-vương v... v. những chữ ấy có ý nghĩa thụy hiệu; đời thượng-cổ không biết mà đặt, thì làm gì có được ? Đó là người sau tôn lên. Chính ở nước Tàu cũng đến đời Chu mới có chữ thụy. Vậy nước ta hồi thượng-cổ

ước đời Chu, làm gì biết mà đặt được tên hiệu tốt đẹp như thế ?

Các chữ ấy, từ xưa tới nay, các sử-gia ta và các triều vẫn không công nhận, chỉ thấy ở sự-tích các đền mà thôi.

Nói đến sự bang giao nước ta với Tàu, thì từ trước mãi tới đời Thường-Nghiêu thấy chép rằng : nước ta mới sang triều sinh, hiến cho vua Nghiêu con rùa lớn, vua Nghiêu khiến người chép làm lịch 始于乎献大龟是作 [illegible] 龟曆. Rồi từ đấy về sau, qua đời Đế Thuấn, nhà Hạ, nhà Thương, ta lại không giao thiệp gì với họ, thì văn-hóa Tàu chưa truyền sang ta được, ta chưa có hề lấy thứ chữ gì mà thay loại chữ tượng-hình, vẫn giữ theo lối cũ lưu truyền.

Mãi tới đời Chu-Thành-Vương, lại thấy chép nước ta là Việt-thường-thị sai sứ sang triều, hiến con chim trĩ trắng, tiếng sứ-thần ta nói, phải mấy lần thông ngôn, Tàu mới hiểu 越裳氏重譯來朝獻白雉. Xem thế thì biết rằng đời Chu tiếng nói nước ta với Tàu vẫn không hiểu nhau. thì ta làm gì mà học được chữ Tàu, biết đâu mà đặt làm Hùng-vương, cũng chỉ Lạc-vương là lẽ tất nhiên.

Nên nối đó, sách *Chu-lễ* nhà Chức-phương-thị mới biết ta mà chép cho ta về xứ cửu lạc 九貉 là chỉ riêng vào nòi giống nước ta, ở về xứ hoang-lạc, xứ mọi rợ. Bởi từ lúc ta sang triều cống, họ mới biết mà chép cái dấu hiệu nước ta là xứ Lạc, không lẽ tự nhiên họ đặt ra chữ *lạc* được; Thế đủ biết đời Chu ta vẫn là Lạc-vương ông vua xứ Lạc. Mà chữ *lạc* ắt phải bên *xại* bên *các* theo từ Lạc-long-quân 貉龍君 truyền mãi tới sau.

Đời thượng-cổ nước ta, vẫn dã-man, chẳng có chữ nghĩa gì mà ghi chép.

Mãi tới đời Triệu úy Đà sang làm vua nước ta mới có chữ nghĩa Tàu truyền sang. Phải biết rằng Triệu-Đà là viên quan nhà Tần bên Tàu, sang đánh nhà Thục lấy nước làm vua. Sử chép : « *thừa hoàng ốc tả đạo, xưng chế dữ Hán tịnh* 乘黃屋左纛称制與漢並. Xem thế, biết Triệu-Đà chế độ khôn-ngoan, không thua gì vua Cao-tổ nhà Hán. Vậy sự ghi chép việc đầu đuôi nước ta từ trước, thế nào Triệu-Đà cũng có chép, mà lưu truyền cho con cháu, dựng cơ-nghiệp, riêng bờ cõi, làm một nước cố-cựu từ xưa. Mà đời Triệu-Đà chép chuyện đời Hồng-bàng ắt đúng, là đời Triệu cách đời Hồng-bàng, mới có 50 năm của đời Thục An-dương-vương thôi, gần gốc thế, hiểu biết rõ-ràng.

Chỉ vì, được vài ba đời, họ Triệu bị người Hán thôn tính, bao nhiêu sách vở nước ta, Hán cũng thu về Tàu hết, thành ra nước ta mất tích, không biết tìm vào đâu !

Người Tàu khôn ngoan sớm, lúc đó họ nghĩ ta đã sáp nhập với họ làm một, nên họ phải theo những sách vở của ta mà họ đã thu về, họ khảo cứu việc nước ta, ghi chép chắc-chắn.

Nên đời Hán, Ban-cố chép tới chữ : *lạc việt chi nhân, phụ tử đồng xuyên nhi dục* 貉越之人父子同川而浴. Ý nói *Lạc-việt* là hiệu riêng nước ta vẫn còn mọi rợ, không phân biệt, cha con tắm chung một dòng sông.

Đời đông-Hán chép truyện Lê-hải bà vương là chuyện bà Trưng ta, thấy chép: Bà Trưng là con gái quan *Lạc-tướng* 貉將之女. Tên quan Lạc-tướng thì đời Đông-Hán chẳng còn đâu nữa. Chữ Lạc-tướng đây chỉ có cái ý nghĩa là quan tướng võ xứ *Lạc* mà thôi.

Cũng đời Hậu-Hán, sách *Giao-châu ngoại vực ký*, dẫn ở *Thuỷ-kinh-chú*, chép tới chuyện nước ta, thấy chép rõ ràng hai chữ Lạc-vương 雒王, Lạc-hầu 雒侯, Lạc-tướng 雒將, chép rất rõ-ràng chắc-chắn.

Đó là những bộ sách chép tới chuyện nước ta trước nhất, vào chính đời Hán, là lúc họ còn quận huyện đất ta, thì họ chép đúng lắm. Xem thế đủ rõ tới đời Hán, ta vẫn còn cái dấu hiệu chữ *Lạc*. Hán nối sau đời họ Triệu là gần gốc Hồng-bàng nhất mà chép thế, đủ biết tên hiệu ông tổ ta là Lạc-vương.

Chỉ vì cái tệ xuyên-tạc của Hán nho, biên chép không cẩn-thận từng nét một, họ cứ theo như Tự-điển thì ba chữ *lạc* đây 貉, 駱, 雒 đều thông dụng. Nên Ban-Cố chép chữ Lạc việt 駱越 viết chữ *lạc* bên *mã* 馬 bên *các* 各. Truyện bà Trưng chữ Lạc-tướng cũng viết chữ *lạc* bên *mã* 馬 bên *các* 各. Quyển *Giao-châu ngoại vực ký* thì viết ra chữ *lạc* bên *các* 各 bên duy 隹 đều chỉ vào nòi giống ta là xứ Lạc tất cả.

Các nhà Hán-nho họ nghĩ ba chữ *lạc* thông dụng, chép chữ nào cũng được, họ có để ý gì đến sự không cẩn-thận một tý mà lầm chữ ấy ra chữ khác.

Nối sau đó, một nhà khác, theo chép chuyện nước ta, cứ khảo bộ sách đời Hán, hoặc vì lẽ dán nhầm mất nét phẩy con trên đầu chữ *các*, mới chép lầm ra chữ *Hùng*, rồi cứ *Hùng* mãi tới nay, cái lầm vạn cổ để mấy người suy xét tới.

(Xem tiếp trang 17)

Dịch thơ tây

Le Loup plaidant contre le Renard par-devant le Singe

Un loup disait que l'on l'avait volé ;
Un renard, son voisin, d'assez mauvaise vie,
Pour ce prétendu vol par lui fut appelé.
Devant le singe il fut plaidé,
Non point par avocats, mais par chaque partie.
Thémis n'avait point travaillé,
De mémoire de singe, à fait plus embrouillé.
Le magistrat suait en son lit de justice.
Après qu'on eût bien contesté,
Répliqué, crié, tempêté,
Le juge, instruit de leur malice,
Leur dit : Je vous connais de longtemps, mes amis ;
Et tous deux vous paierez l'amende:
Car toi, loup, tu te plains, quoiqu'on ne t'ait rien pris ;
Et toi, renard, as pris ce que l'on te demande.
Le juge prétendait qu'à tort et à travers,
On ne saurait manquer, condamnant un pervers.

LA FONTAINE

Sói kiện Cáo trước quan toà Khỉ

Một chú sói khai man mất trộm ;
Nhân cáo kia, trong xóm, xưa nay,
Vốn người ăn ở chẳng ngay,
Liền đem án trộm, buộc tay ra tòa.
Trước mặt khỉ, nguyên thưa, bị cãi,
Đều tự mình, chẳng phải trạng sư.
Khỉ ta từ bé đến giờ,
Án từ xét lắm, mà chưa cái nào
Nghiêu-khê thế, thực vào bậc nhất,
Sử sao cho khỏi mất công-bằng.
Giữa tòa, quan chánh hoang-mang,
Mồ hôi sối chảy, đẫm tràng áo thâm.
Sói và cáo, ầm ầm viện lý,
Nguyên vặn đi, lại bị cãi bay.
Rõ ràng quỷ quyệt tụi này,
Quan tòa liền phán : Ta đây đã tường
Chúng bay vốn một phường vô lại ;
Vậy cả hai đều phải phạt ngân.
Sói kia mày thật chẳng oan,
Bạc đâu mà mất, dám man trình tòa ;
Còn tên cáo, cũng là đáng tội,
Chính thật mày trộm túi bạc mà.
Quan Tòa ngài đã cho là
Một khi lên án kẻ tà, là công ;
Bất kỳ trái, phải, có, không.

CÁCH-CHI phiên dịch

Tùy hứng

Thuyền giăng

Một chiếc thuyền giăng nhẹ-nhẹ trôi
Theo giòng nước bạc chảy lên giời.
Giăng xưa lẻ bóng, hồn hoa lạnh,
Trắng xóa bên sông bãi cát bồi...

Bà MỘNG-SƠN

Chiều về

Mái rừng nghe vọng tiếng chim kêu,
Sông vắng, thuyền ai lẳng-lặng chèo,
Trên ánh mây thu bay nhạt-nhạt,
Gió chiều hiu-hắt, lá chiều gieo.

Bà MỘNG-SƠN

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 2

MINH-TUYỀN

IV

Hỡi Tạo-Hóa! đấng vô cùng cao-cả
Đã sinh ra vạn vật với muôn loài,
Đã ban tặng cho người một quý-giá
Hiện-thân là khối óc dị-kỳ thay!
Với liễu rủ, thông reo, chim buồn hót,
Với trăng lên chiếu tỏa ánh huyền-mơ,
Người bao lớp đổi thay nhưng vẫn một,
Vì thời sau nối-tiếp việc thời xưa.
Nếu quả thật vô-tư lự là sướng,
Thú an-nhàn, đối-tượng cuộc nhân-sinh,
Thời nai chậy, hoa cười với đá tảng
Quí hơn đời hào-kiệt chết anh-linh.
Sóng nước vỗ, mây vần, cơn gió thốc,
Sấm lăn vang, sét giáng, dồ mưa rào,
Núi phun lửa, đất lay, non hóa vực
Nên lời ca, bản nhạc, nghĩa sâu cao,
Vừa nhiết-liệt hoan-hô và tán tụng
Những công-trình vĩ-đại, đáng mê say,
Những sảo-vật tinh-vi, đáng ước-vọng,
Của Hóa-công biến hiện chẳng ai hay,
Vừa kích-thích loài người nên gắng cố
Bước lên đường sáng rộng, lối trời cao,
Gây sự-nghiệp mỗi đời thêm rực-rỡ,
Để ngày kia chi-phối cả trăng sao..

V

Kể từ lúc đám tinh-vân man-mác,
Giữa thái-không bát-ngát tự vần xoay,
Tỏa sức nóng mỗi ngày thêm tản-tác,
Chiếu hào-quang lộng-lẫy mảnh vàng bay,
Tới thời-đại bơi-vơi trong biển vực,
Đơn-tế-bào diễn-tiến trải bao năm,
Từng biến-hóa, man-diên trên đại-lục,
Từng phát-sinh chủng-loại kém tinh-thần:
Nào thế-giới cá khổng-lồ đông-đúc,
Nào ếch nhái kêu vang dậy đất trời,
Nào chăn rắn văng mình, cây cối gục,
Nào chim ca dữ-tợn chĩa răng dài,
Nào giòng-giỏi nhà động vật có vú,
Thay phiên nhau phát-chiền sức sinh-tồn,
Kế nhau làm chúa-tể trong hoàn-vũ,
Theo luật chung bành-trướng với hao mòn,
Thượng-Đế vẫn băn-khoăn chưa thỏa mãn,
Thúc hành tinh liên-lạc với vừng dương,
Phối-hợp cùng thiên-thể nhiều vô-hạn,
Cấu-tạo loài có sức khá tương-đương

. . . . . .

Trái đất cồ như hòn ngọc lành trong trắng
Giọi trăng thu, lóng-lánh vẻ yêu-kiều,
Như sóng mắt gái thơ-ngây phẳng-lẳng
Chưa nhuốm mầu thương nhớ, sắc tình yêu.
Trái đất cồ, vườn hoang của Tạo-Hóa
Có hoa thơm, cỏ lạ, lá trăm mầu.
Hỏi thú nhảy, dế kêu, chim giờn cá,
Điểm-tô gì bãi rộng với rừng sâu?

***

Một khoảnh-khắc thời-gian qua vũ-trụ,
Thiên vạn hình thay sắc mặt doanh-hoàn:
Mảnh nguyệt thõng, buông tơ, viền cẩm-tú,
Bóng dương chênh, chếch ánh, mạ giang-san,
Vùng tuyết đọng, non phơi, lầu bạch-ngọc,
Chốn băng tan, thác chảy, suối hoàng-kim,
Chóp núi thủng phun châu lùa ám-cốc,
Cảnh rừng lay hóa vực chuyển thanh-thiên.

***

Tiết đông lạnh, khói chiều hun ngọn cỏ,
Lá cây sầu rơi-rụng tả-tơi bay.
Mặt trời xế, đầm mình trong vũng máu đỏ,
Tựa trâu vàng đuổi mộng phía trời tây.

(Còn nữa)

M. T.

MỘT VÀI KIẾN VĂN
trong dịp đi thăm làng Bồi-khê

Số 3

VU-NGÃ

Sau cụ lại đến ngụ tại chùa Tây-phương có bài thơ ran-bảo những người theo hầu :

« Y phong mã tê cấp
Thất quần điểu thanh thương
Thủ-dương cộng Triều-tiên
Hà nhật bất Ân Thương ?
Ngưỡng chỉ hữu cao sơn,
Lý hành hữu cảnh hàng.
Phong giai hề tuyết phi !
Dư mỹ tại hà phương ?
Đa thiểu ý trung sự,
Thùy năng bất đoạn tràng !
Ta hồ ! du-tử tâm
Khởi bất bi cố hương ?
Tình nghĩa nan lưỡng lập.
Dư cố uỷ tư mang.
Cần lao nhị tam tử
Biến yên, bất cải thường.
Vô ninh thích bất lai,
Bất tỷ độc mang mang ».

Dịch :

Nương gió ngựa hí gấp.
Lạc đàn, chim kêu thương.
Thủ-dương cùng Triều-tiên,
Đâu cũng nhớ Ân-Thương !
Ngửa trông núi vòi-vọi,
Đường rộng bước thênh-thang.
Gió cuốn chừ tuyết bay !
Bên trời đâu ngô hoàng ?
Nỗi riêng nhường vấn vít,
Mấy ai chẳng đoạn trường !
Than ôi ! lòng du-tử
[illegible]á chẳng sot quê hương ?
[illegible]nh, nghĩa khôn trọn cả :
[illegible]h coi nhà nhẹ-nhàng !
[illegible]c nhần vài ba gã
[illegible] biến, không đổi thường.
[illegible] rằng đừng đến vơi,
[illegible]n để ta thêm càng ..

Ngày 30 tháng 3 năm tân-hợi (1791), quân Tây-sơn kéo đến vây làng Phúc-sài, nhưng không bắt được cụ, chỉ bắt được công-tử Túc. Ông có ngâm rằng :

« Tam tải mỹ từ bình lãng khách
« Nhất phương thiên hệ độc ngưu tình ! »

Cụ phải chạy đến ẩn ở bến Suối, rồi lại thiên đến ở động Hương-tích. Năm ất-mão (1795), đời vua Cảnh-thịnh, Thành quận-công, Tổng-trấn Bắc-thành, đưa thư đến làng xét hỏi ; người làng đều nói là anh em Huy-Trâm phiêu bạt đi đàng nào mất, đã lâu không thấy về làng.

Từ khi ông long-đong trốn tránh, nay đó, mai đây, sắt son giữ vững một niềm, không hề lay chuyển. Những làng cụ ở ẩn người ta đều gọi là « cụ-đồ già ». Guốc gỗ, gậy tre, náu núp hầu tám, chín năm ở trong những làng quê, xóm núi.

Đến sau, nghe tin chúa Nguyễn nổi lên ở Gia-định, nhân có người học trò của cụ là Đặng-Trần-Thường cũng đã vào giúp, cụ bèn cùng năm, sáu người cựu thần nhà Lê, lén vào Gia-định bái yết, định cùng hiệp sức lật đổ nhà Tây-sơn để mưu hưng phục cho nhà Lê ở đất Bắc-hà. Nhưng sau cụ nhận thấy chúa Nguyễn không có ý gì hưng phục nhà Lê, vì vậy khi theo quân ra đến núi Tam-điệp, cụ xin từ về.

Niên hiệu Gia-long nam đầu (1802), ngày mồng 7 tháng 2, có chiếu phong cho là Thái-hòa điện học-sĩ. Trong tờ chiếu đại lược nói rằng : « Khanh vốn là một cựu thần, văn học luyện đạt, ẩn náu để đợi thủa thanh-bình, đã từng ưng theo cờ nghĩa, nhưng rồi lại cố từ mà lui, sự thao thủ thật đáng khen ngợi. Nay buổi đầu khai thác, sự biểu-dương người tốt là việc đầu tiên, vậy nên gia phong là Thái-hòa điện học-sĩ để tỏ khuyến miễn khâm thử. »

Nhưng cụ hết sức chối từ, không nhận sự phong thưởng ấy. Rồi trong tháng 2 năm ấy, cụ ốm và mất, thọ 61 tuổi, có bài thơ tự viếng mình rằng :

« Sách danh, ủy chi, đệ tương truyền,
Khuất chỉ kim tằng nhị bách niên.
Dịch diệp tư bồi gia khánh viễn,
Lũy triều hàm dưỡng quốc ân tuyền.
Vãng hành nhân tưởng do tàm mục ;
Thời sự na kham cự hải điền
Trung hiếu thử sinh hề điểm trích,
Thượng kỳ nhất tiết cộng trường thiên. »

Dịch :

Sĩ tịch tên ghi những tự ngày,
Hai trăm năm lẻ đến ngày nay.
Phúc nhà bồi đắp từ lâu lắm,
Ơn nước dồi dào đáng cảm thay !
Tai mắt, việc xưa như hiển hiện,
Bể dâu, cuộc thế ngán vần xoay.
Hiếu trung một kiếp chưa đền báo,
Ôm giữ mọng sao vẹn tiết này

(Bản dịch của TRÚC-KHÊ)

Tháng 3 Triều-đình khâm ban dụ tế, cho 2 công-tử được tập ấm.

Ông bạn đỗ đồng-khoa là Hoa-Đường Phạm-Quý-Thích có viếng một đôi câu đối rằng:

« *Thế-gian hữu tá hoàn nhân, kỳ sinh dã vinh, kỳ tử dã ai, văn bút ta-nga kinh hốt đảo;*

« *Thiên-loại táng nhất đồng khí, tri sinh giả ai, tri tử giả điếu, sĩ-lâm tiêu-tụy khấp tương phùng* ! »

Di văn của cụ có một tập thơ và một quyển văn sách.

Anh Trọng-Thìn kể xong thì anh em Thanh niên sau khi đã dâng một bó hoa, đứng một phút yên lặng để kỷ niệm một vị danh nho văn võ toàn tài.

Sau cuộc đi viếng lăng cụ Hoàng-giáp họ Lê và sau bữa cơm sáng ở chùa, ai muốn làm gì thì làm : người đi nghỉ, kẻ ngâm thơ, kẻ đấu kiếm, đánh vật, đấu trung-bình tiên, hoà nhạc, v. v...

Xem *Đăng-khoa lục*, thấy xã Bối-Khê còn quan Hoàng-giáp Hoàng-bá-Đương — ban Tổ-chức không thấy đả-động gì đến — tôi lấy làm bùi ngùi vô hạn.

Ông Hoàng-Bá-Dương đỗ Hoàng giáp khoa tân-sửu, niên hiệu Hồng-Đức thứ 12 (1481) làm Tri Phủ, đi xứ Tầu, là rể cụ Trạng-Nguyên Nguyễn-Trực vậy.

Vì thế, tôi có nhờ ông Quảng-Long đưa sang thăm từ-đường họ Hoàng, nhưng nhà thờ này đang xây dở nên ông chỉ đưa tôi sang nhà chi thứ. Mãi hơn 3 giờ chiều, tôi mới từ giã ông Quảng-Long. Ông có hứa khi về Hòa-bình sẽ sưu tầm tập thơ của cụ Trạng và sẽ gửi cho tôi làm tài liệu khảo-cổ.

Tôi rảo bước đến nhà ông Đức-Thành thì anh em thể-thao đã dùng xong bữa nước, đứng dạy ra về. Chủ-nhân đốt một chàng pháo dài tiễn chân. Rồi đoàn du lịch ra lấy xe đạp, tần-ngần từ giã thân-hào làng Bối-khê, trong lòng hãy còn mến tiếc cảnh đẹp chốn danh-hương.

Bỗng thấy trời nổi mây, sấm chớp ầm ầm, gió thổi vù-vù. Không khí mùa hè đang oi-ả bỗng trở nên mát mẻ dễ chịu, tựa hồ như đức Chân-nhân Bồ-tát hiển linh làm ra gió mát để tản thưởng đoàn Thanh-niên đã có lòng có đạo đến chiêm bái chủ ngài.

Chốc lát đã tới phủ-lỵ Thanh-oai, trời vẫn gió, sấm vẫn động, nhưng chưa mưa. Anh đoàn-trưởng Đặng-Vũ-Hỷ, và bạn Trọng-Thìn nghỉ chân ; còn hầu hết anh em y lời hẹn của anh Sinh buổi sáng, rẽ vào tham trại Thanh niên Cao-mật.

Xã Cao-mật là một danh hương hạt Thanh-oai. Về Lê-triều đã sản xuất ra mấy bực đại-khoa như : ông Đoàn-nhân-Công đỗ tiến-sĩ khoa mậu-thìn (1448) niên hiệu Thái-Hòa thứ 6 đời vua Lê Nhân-Tôn (1443-1458), và ông Nguyễn-Thản đỗ Tiến-sĩ khoa kỷ-mùi (1499) niên hiệu Cảnh-thống thứ 2 đời vua Lê Hiến-Tôn (1498-1503). Làng này ở cách phủ ngót 2 cây số.

Đoàn xe đạp qua cổng phủ, rẽ về tay trái, qua con đường đất lớn, leo lên đê sông Đáy. Mặt đê, ở đầu con đường này là một cái cổng chào mới dựng, có đề lên cột quét voi trắng mấy chữ đen nhánh : « Camp Haelewyn ». Vệ đê phía ven sông là trại Thanh-niên Hà-đông. Đi trên đê, đã thấy thấp-thoáng dưới bóng các cây cổ thụ, anh em Hướng-đạo đi đi lại lại từ lều nọ sang lều kia. Cánh cổng trào chừng trăm bước có 2 lá cờ Pháp, Nam đang phấp-phới bay, khoe mầu trước gió. Đây là cổng trại trẻ-em học-sinh Hà-đông. Xuống giốc đê có bực mới sửa sang rất dễ đi.

Đứng đây, phóng tầm con mắt trông xa, thấy làng Cao-mật phong cảnh thanh-u. Làng yên tĩnh trong giặng vải xanh om, đông-đặc, chạy dài theo ven sông Đáy nước chảy trong veo, hiền-từ quyến-rũ. Vệ đê bên sông, là một dải bãi cao rộng, có cây cối um-tùm. Trên bãi này là trại Thanh-niên Cao-mật vậy.

Đến cổng trại, trời vừa đổ mưa. May quá ! anh em vội vã cho xe xuống trại, không ai bị ướt !

« Camp Haelewyn » chia ra hai tốp : một tốp Hướng đạo, và một tốp trẻ-em học-sinh Hà đông do nhà giáo Cao Đắc Tiếu dìu-dắt. Trại trẻ-em được công chúng chú ý hơn hết.

(Xem tiếp trang 21)

Đã có bán

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thế Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

TRẦN THANH MẠI

Kỳ tái bản này tác giả đã dày công sửa chữa.

Sách ngót 299 trang. Giá 1$.

Nhà xuất bản TÂN VI

20, LAMBLOT — Hànoi

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 55

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa tân-sửu, nam Hồng-đức thứ 12 (1481), đỗ đệ tam giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 29 người:

1. — N uyễn minh-Thông, người xã Xuân-canh, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh. Làm quan đến thừa chánh-sứ (chép theo bia Van-miếu Hà-nội và sách *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ, 27 b).

2. — Đam-đình-Phương, người xã Trung-thụy, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Làm quan đến Hàn-lâm-viện bi-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 27 b). *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 29 a, chép đỗ nam 31 tuổi, làm quan đến thị-thư.

3. — Phạm chuyết, người xã Kim-lan, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 43 tuổi. Làm quan đến hữu-thị-lang, kiêm tổng-binh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 28 b).

4. — Vũ-nguyên-Trinh, người xã Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng Làm quan đến phó-đô-ngự-sử *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 12 b-13 a).

5. — Lê-Cẩu, người xã Lạc-bảo (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 27 b, chép là Lạc-bảo; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 57 a, chép là Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, phủ Nam sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ nam 39 tuổi. *Đăng khoa bị khảo*, chép đỗ nam 29 tuổi; *Nhân-vật tinh-thị khảo*, quyển 2, tờ 130 a, cũng chép đỗ năm 29 tuổi; nhưng lại nói ông Lê-Cẩu sinh nam thứ nhất hiệu Thái-Hòa (1443): nếu sinh năm 1443 đến năm 1481 mới đỗ, thì 39 tuổi mới phải. Ông là anh Lê Hùng, ông nội Lê-phi an-Long.

6. — Nguyễn-tôn Miệt (bia Van-miếu khắc là Miệt, các sách chép là Mậu), người huyện Kim-hoa, đỗ năm 41 tuổi, dự tao đàn nhị-thập-bát tú, làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-thư (*Đăng khao lục*, quyển 1, tờ 27 b).

7. — Nguyễn-nhân-Bị, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-ninh, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ năm 34 tuổi. Khoa bính-tuất (1466) đã đỗ tam giáp, vì không đỗ nhất giáp, xin từ. Khoa này lại đỗ tam giáp. Dự tao đàn nhị-thập-bát tú. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến binh-bộ thượng-thư. Là em Xung-Xác, đỗ năm 1469, anh Nhân-Thiếp, đỗ năm 1466 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 a, 16 a, và 28 a).

8. — Nguyễn văn-Tú, người xã Vô-thai, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đái, bấy giờ thuộc tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm 32 tuổi. Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Lúc bấy giờ Mạc Đăng-Dung cướp quyền vua Lê Chiêu-tông, ông bỏ chức quan, về làng. Đến sau trung-hưng, vua khen thưởng là người tiết nghĩa. Ông là con Nguyễn-văn-Chất, đỗ năm 1448: hai cha con cùng làm quan một triều *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 7 a và 61 a).

9. — Vũ-nghi-Huynh, người xã Thạch-lỗi, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nam 26 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 28 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 a, chép ông đỗ năm 27 tuổi).

10. — Nguyễn-Đồ, người xã Cựu-quán, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm 39 tuổi. Làm quan đến viên ngoại-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 29 a).

11. — Nguyên-Thái, người xã Vĩnh-đán (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 103 b, chép là người phường Báo-thiên), huyện Thọ-xương. Đỗ năm 46 tuổi. Làm quan đến chức đoán-sự.

12. — Khổng-cư-Lỗ (*Đăng-khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 56 b, chép là Nguyễn-cư-Lỗ), người xã Thạch-lỗi (sau là xã Hạ-phan), huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Đỗ rồi chết (tầm mệnh tử).

13. — Thân-tông-Vũ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 28 a, chép là Thân-Vũ), người xã Yên-minh, huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, tỉnh Kinh bắc. Đỗ năm 38 tuổi. Là con Thân-nhân-Trung, đỗ năm 1469, em Thân-nhân-Tín, đỗ nam 1490 *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 16 a, 28 a và 39 a).

14. — Lê-công-Phó (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 95 b, và *Nhân-vật tinh-thị khảo*, quyển 2, tờ 130 b, chép là Nguyễn-công-Truyền hoặc Lê-công-Truyền), người xã Khinh-dao, huyện Hiệp-sơn (Vĩnh-sơn) phủ Kinh môn tỉnh Hải-dương, làm quan đến giám-sát ngự-sử.

15. — Phạm-tử-Hiền, người xã Xá-thị, huyện Thụy-anh, phủ Thái-bình, tỉnh Sơn-nam, Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 1 b).

16. — Nguyễn-tất-Thông, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-giàng, tỉnh Bắc-ninh

17. — Nguyễn-tử-Luy (hoặc Loa), người xã Hộ-xá, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 39 tuổi. Làm quan đến kinh-lược-sứ ở An-bang. Là ông nội Nguyễn-lương-Ký (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 78 a).

18. — Nguyễn-đình-Tuấn, người xã Quảng-bá, huyện Thiện-tài, phủ Thuận-an. Đỗ năm 31 tuổi, Phụng mệnh đi xứ. Làm quan đến thượng-thư *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 28 b).

19. — Nguyễn-nhân-Lễ, người xã Bột-thượng, huyện Hoằng-hóa, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Đỗ năm 29 tuổi Làm quan đến hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 28 b)

20. — Phan-ứng - Tán, người xã Bản-thạch-đông, huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa, tỉnh Nghệ-an. đỗ năm 36 tuổi. Làm quan đến Quốc-tử-giám tế-tửu. Là con Phan-Viên, đỗ năm 1442 : hai cha con cùng làm quan một triều. Ông Tán sống thọ hơn 70 tuổi *Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 47 b).

21. — Lưu di-Quyết, người xã Như - phượng, huyện Tế-giang (Văn - giang), phủ Thuận - an tỉnh Bắc-ninh, Làm quan đến hiến-sát-sứ *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 28 b).

22. — Lê-Tứ, người xã Khúc-dông, huyện Tế-giang Văn-giang), phủ Thuận - an, tỉnh Bắc - ninh. Bính năm, thứ hai hiệu Thái-hòa (1444) Đỗ năm 38 tuổi (*Nhân-vật tỉnh-thị-khảo*, quyển 2, tờ 30 b).

23. — Đỗ-bá-Linh, người xã Thượng-minh, huyện Cẩm-giàng. phủ Thượng - hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 39 tuổi. Làm quan đến sinh-viên (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương tờ 29 a).

24. — Ngô-khắc - Tuấn, người xã Yên-tân, huyện Trường-tân, phủ Hạ-hồng. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 a).

25. — Thang - nghĩa - Phương, người xã Cẩm - chương, huyện Đông - ngàn, phủ Từ - sơn, tỉnh Bắc - ninh. Quán ở xã Yên - ninh, huyện Chí-linh. Làm quan đến Lễ-bộ hữu-thị-lang. Là dòng - dõi Thang-đại-Đạt (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 a).

26. — Lê-đức Trung, người xã Cổ-dũng, huyện Yên - dũng, phủ Lạng-giang. Nguyên họ Nguyễn được ban quốc - tính họ Lê. Đỗ năm 39 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 a.)

27. — Nguyễn-Oanh, người xã Nghĩa-trai, huyện Gia - lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Bắc-ninh. Làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 29 a).

28. — Phan-dư-Khương (hoặc Thách), người xã An - việt-hạ, huyện La-giang, phủ Đức quang, tỉnh Nghệ-an. Đỗ năm 21 tuổi. Làm quan đến hiến - sát - sứ. Là em Phan-phúc-Cần, đỗ năm 1475 : hai anh em cùng làm quan một triều (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 18 b).

29. — Lê-duy-Hàn, người xã Bái cầu, huyện Hoằng-hóa, phủ Hà - trung, tỉnh Thanh-hóa. Đỗ năm 23 tuổi. Làm quan đến chức hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 28 b).

(*Còn nữa*)

Ứng-hộ NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sử học luận đàn

(*Tiếp theo trang 11*)

Nói đến các sử-gia ta đời trước, lại càng chán, lúc các ngài làm học trò có biết gì tới sử nước nhà, còn phải học sử Tàu để thi-cử. Hơn nữa phép thi cử các triều chẳng thấy hỏi gì tới sử Nam; mãi tới Bản-triều, khoảng Tự-đức, Thành-thái sử học ta mới hơi khá.

Lúc các ngài đỗ đạt đi làm quan, gặp lúc vua sai biên chép sách quốc-sử, cũng chỉ tra cứu một vài bộ chi chi đó, với góp nhặt một ít truyền tụng, nên đã lầm ra chữ *Hùng* cũng cứ *Hùng* chép chứ có biết đâu chữ *Hùng* đời thượng cổ chưa có, lấy chữ đâu mà đặt tên vua ?

Sử học có lẽ từ Bản-triều khoảng Thành-thái lại giờ, ta được học công-phu hơn tiền bối nhiều.

Bảo rằng chuyện thượng-cổ (trong đó phần nhiều lời tục-truyền) lấy làm bia miệng bia đá, ấy là nhầm.

Sử-ký, địa-dư, những danh-từ thay đổi luôn, sách chép còn lầm, huống chi tục-truyền, và dã-sử lấy gì làm chắc chắn mà tin ?

Bia miệng, bia đá chỉ ghi được những điều hay điều dở, như: người đại hiền, đại đức đại tài, đại trung, đại hiếu, cứu nước nhà trong cơn nước lửa, làm việc đồ đất nghiêng giời, truyền bia đá, đời sau noi gương sáng, hoặc phường đại-gian, đại-nịnh, bất hiếu bất-trung, bán nước hại nòi, lừa thầy phản bạn không biết liêm sỉ, truyền miệng làm bia, tên tuổi người đời ngàn năm dê-diếu,

Về sử-ký, cần phải khảo-cứu có phương-pháp muốn rõ chuyện đời nào, phải tìm tới thời-đại ấy mà khảo cái văn hoá lúc ấy.

Như tôi tôi đã nói trên, muốn khảo chuyện đời thượng-cổ nước ta, phải biết tình thế đời thượng-cổ nước Tàu: mới có loại chữ tượng-hình, chẳng biết chữ *Hùng* là gì, chỉ biết chữ Lạc. Rồi phải tìm kiếm tới các sách cổ, sách nào gần gốc, thì có thể nhìn lấy làm bằng. Như tôi khảo sử-Tàu, và sách đời Hán, thế-kỷ thứ tư, thứ năm, bằng cứ hai chữ *Lạc-vương*.

Còn những sách chép sau đã xa gốc đến hơn hai nghìn năm, tam sao thất bản, không bằng cứ được

Đến như sách thuộc về loại chuyện của ta, mới chép hồi Lê triều, thì lúc ấy văn-học nước ta đa thịnh, tiền bối ta, theo lối văn *Liêu trai chí dị, Kim cổ Kỳ quan*, viết những chuyện thần bí nước nhà, bịa đặt cho dị kỳ câu chuyện. Như vậy thì chữ *Lạc* chư *Hùng* tác-giả có cần khảo-cứu chi cho tốn công ! Vậy ta cũng không nên nhận những sách ấy làm tài liệu khảo cổ.

Muốn khảo cổ nước mình, phải tìm sách cổ nước Tàu làm chứng, vì nước Tàu với ta liên-lạc từ cổ, lại là một nước văn minh tối cổ ; Không theo đấy thì theo đâu ?

Phàm về văn hóa, nên thâu thủ hết bất cứ văn-học nước nào, người ta biên chép có công-phu, có phương-pháp cũng nên trọng cả.

« Học có sách, mách có chứng » tôi xin mách quốc dân: *Đời thượng cổ chỉ có chữ Lạc, không có chữ Hùng*. Đã một *Lạc* thì mười tám đời đều *Lạc* hết.

• Nên đính chính . chữ Lạc-vương làm tên ông vua tổ chúng ta.

Khắc-thành tử NGÔ ĐỨC-KINH

Tả-quân
Lê Văn-Duyệt
(1763-1832)

Số 5

NGUYỄN TRIỆU

Năm nhâm-thìn (1832) đời vua Minh Mạng thứ 13, Lê Tả-quân thấy ngoài Bắc-thành đã bãi chức Tổng-trấn mà chia ra thành tỉnh, duy chỉ có thành Gia định là không thay đổi và lại thấy trong mình già yếu, dàng sớ ra Huế xin từ chức Tổng-trấn thành Gia-định nhưng đức Minh-Mạng không cho.

Cách mấy tháng sau, quan Tả-quân bị bệnh nặng, đến ngày 30 tháng 7 (25 Août 1832) thì từ trần, thọ 69 tuổi, táng tại Bình-hòa, là ở giữa thành phố Gia-định ngày nay. (1)

Khi Lê Tả-quân làm kinh-lược ở Thanh-hóa, có tên Nguyễn hựu-Khôi là thổ-hào ở đất Cao-bằng làm loạn, bị quan quân đánh đuổi riết, mới chạy vào Thanh-hóa, biết tiếng quan Kinh lược Lê khoan dung đại-độ, nên Khôi ra thú xin hàng. Quan Kinh-lược Lê thấy Khôi có tài, nên tin dùng cho làm con nuôi, đổi họ lại là Lê văn-Khôi rồi cho theo vào Gia-định. Cất nhắc cho làm đến chức Phó Vệ-uý.

Trong bọn Khôi lại còn tên Hoành là Tú tai và một tên nữa là Trầm cũng xin theo hầu dưới trướng Lê Kinh lược làm bộ-hạ, rồi cả ba gã Khôi, Hoành và Trầm đều theo vô làm tòng chinh.

Sau khi Lê văn Duyệt tạ thế, đức Minh-Mạng liền bãi chức Tổng-trấn thành Gia-định và đổi tên lại là trấn Phiên an, rồi sai Tổng đốc Nguyễn văn Quế Bố-chánh Bạch Xuân-Nguyên Án sát Nguyễn Chương-Đạt và Lãnh-binh Nguyễn Quế vào cai-trị trấn.

Bố-chánh Bạch Xuân-Nguyên là người tham lam tàn ác và vốn xưa kia có tư thù với quan Tả-quân, nên sau khi vào trấn nhậm chức được mấy ngày thì bới móc nói rằng phụng mật chỉ truy xét các việc hà-lạm của quan cố Tổng-trấn và cho bắt hết cả bọn Khôi, Hoành, Trầm tống ngục, rồi đem tra tấn rất tàn nhẫn. Lại bẻ về tội sổ sách Duyệt làm không minh-bạch, lạm dụng tiền kho, về tội sao dám cho quân Triều-đình vào rừng đốn cây trong rừng để làm việc tư và về tội không chua rõ các tiền-nong ghi trong sổ « Tả-quân chi dụng » là dùng việc gì. Khôi không biết làm sao được, nên đành bỏ tay chịu lỗi chút đỉnh ở chỗ chi-dụng đó, song đến việc cho quân đi đốn cây trong rừng về làm việc tư thì khôi cãi rằng là quan Tả-quân cho vào rừng Tây-ninh Quang-hóa để đốn cây về sửa sang đồn trại, thành lũy và đóng thêm chiến thuyền để phòng sự bất trắc của quân Xiêm... Bạch Xuân Nguyên bẻ rằng : — « *Phải chi Lê Văn-Duyệt có ý đề phòng với Xiêm thì Hà-tiên kia lẽ cũng phải có đồn luỹ rồi chứ !* »

Gia chi dĩ, trong khi tra hỏi, quan Bố luôn mồm gọi « xách mé » Duyệt kia Duyệt nọ : tất nhiên làm cho bọn Khôi phải tức giận, đau-đớn và uất-ức đến cực điểm...

Khôi ngồi trong ngục với hơn hai chục quân « hồi-lương » là bọn giặc ngoài Bắc bị phát-lưu vàn trong Nam. Sau khi đã âm-mưu bàn soạn kỹ rồi, đêm hôm 18 tháng 5 năm quý-tị (5 Juillet 1833). Khôi nói dối chủ-ngục xin về để cúng cha. Vì quan án Nguyễn Chương-Đạt cũng là người quen của Khôi, làm ngơ để mặc, song cũng cho một toán quân đi theo cầm chừng để giữ. Về nhà, Khôi cùng Hoành và Trầm và một bọn mấy chục thủ hạ cũ của Lê Tổng-trấn, họp nhau đủ mặt chè chén no say, rồi kéo nhau vào thành phá ngục, đoạn giết chết cả nhà Tổng-đốc Nguyễn-văn-Quế cùng Bố-chánh Bạch Xuân-Nguyên rồi chiếm lấy thành. Án-sát Nguyễn Chương-Đạt biết trước nên chạy trốn thoát ra Huế.

Cách mấy hôm, sang đến sáng ngày 22, Khôi chiếm thành kéo cờ

« *Bình Nam đại nguyên soái* », rồi phong cho đảng mình bọn Thái-công-Triều làm quản Trung-quân, Nguyễn-văn-Đà làm Tiền quân, Dương văn Nhã làm Tả-quân, Võ Vĩnh-Tiền làm Hữu-quân và một người lái-buôn Tầu là Mạch Tấn-Giai làm Thủy-quân.

Thành này vốn do Victor Ollivier, người Pháp mà tên ta là ông Tín, đã xây cho đức Gia-Long từ năm 1789, khi ngài còn ở đất Gia-định. Đến đời vua Minh-Mạng thứ 11 (1830) Lê văn Duyệt xây kỹ lại toàn bằng đá ong rất kiên cố lại thêm có lũy rất sâu, trong thành tích trữ nhiều lương-thực và khí-giới lắm, nên quan quân (2) công phá mãi mà không được. Mãi đến ngày 13 tháng 7 năm ất-mùi (Septembre 1835), sau khi Khôi đã bị bệnh chết mấy hôm, sức kháng-chiến của quân trong thành đã nhụt, nên quân Triều-đình mới hạ được thành.

Khi mới khởi ngụy, Lê Văn Khôi đã biết lo liệu trước : cho người sang Vọng-các cứu-viện. Vì vua Xiêm vẫn sẵn lòng hờn giận, nên liền cho bộ binh và thủy binh sang trợ-chiến để chực thừa dịp mà xâm lấn.

Tháng giêng năm giáp-ngọ (Février 1834) quân Xiêm tràn sang, bộ-binh theo đất Cao miên và thủy binh vào Hà tiên, theo sông Vĩnh-tế tiến tới Vàm-nao thì gặp đại-binh của Trương Minh Giảng chặn lại rồi đánh lui hết quân Xiêm. Minh-Giảng thừa thế, đuổi đến Nam-vang rồi đóng quân lại đó giữ không cho quân Xiêm tràn sang cứu-viện được nữa.

Sau khi quân Triều đình lấy lại được thành rồi thì bắt cứ quân lính hay dân gần 2.000 người còn ở lại trong thành, lớn bé già trẻ đều bị giết hết và chôn vào một cái hố sâu, trên đặt tấm bia có chữ « Ngụy tặc nhất võng tính thu », nghĩa là quân loạn bắt chung một lưới giết hết. Cho nên chỗ ấy sau này gọi là « *Mả ngụy* ». Nhưng nay san bằng cả và ở vào nơi góc đường Verdun và đường Général-Lizé trong miền Chí-hòa ở Saigon bây giờ.

Trước khi thành thất-thủ, Khôi đã chết rồi, chỉ còn lại một đứa con Khôi 7 tuổi cũng bị quan quân Triều-đình bắt bỏ cũi đem ra Huế luôn, với Cố Du là P. Marchand (3), người nước Pháp, và Mạc-Tấn-Giai, người Tàu.

Dù Tả-quân Lê cùng với Tiền-quân Thành trước kia hai người bất-bình nhau, song Tả-quân cũng không để bụng cái hiềm cũ, khi Tiền quân Thành bị bức tử thì Tả-quân Duyệt đem cả bọn con Thành là Hàm, Thầm, Chuân, Nhâm, Hân, Huỳnh vào Gia-định nuôi, rồi cho Hàm làm chức Hiệp-quản, thì nay cả bọn này cũng đều bị bắt bỏ cũi đem ra Huế để hành hình.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU

Thống chế Pétain đã nói :

« *Học sinh cần phải luyện tập thân thể cho tráng kiện để bây giờ đủ sức học hành, mai hậu đủ sức tham dự vào việc cải tạo quốc gia* ».

1) Miếu và lăng đây ta quen gọi là Lăng-ông và bà ở ngay trước miếu ; còn mộ hai bà thiếp thì ở hai bên, một ngôi bên trại lính và một ngôi ở góc đường La póste mà ta gọi là « Lăng-cô ». Có lắm người ở Gia định hay Saigon thường nói rằng đây chỉ là lăng giả nghĩa là không có hài cốt gì cả, và thi thể quan Tả-quân thì táng ở Rạch gầm (gần Mỹ tho) song xét ra thì chính thật lăng Tả-quân và phu-nhân ở cả Gia-định ngày nay và ở Rạch gầm cũng có mấy ngôi mộ, song là những mộ hai cố sinh ra quan Tả-quân, theo mộ bi như sau đây :

CỐ ÔNG :

Tuế tại Tân-tị trọng xuân sóc nhật.

Cố-Việt : Hiển-khảo Võ-huân tướng-quân Khâm-sai chưởng-cơ tặng thông chế Lê hầu chi mộ.

Tự tử : Khâm-sai Gia-định thành tổng-trấn chưởng-tả-quân Bình-tây tướng-quân, kiêm giám thần sách quân quận-công Lê văn-Duyệt bái giám.

CỐ BÀ :

Tuế tại Giáp Tuất trọng hạ cát nhật.

Cố-Việt : Hiển tỷ Khâm sai chưởng cơ Lê-hầu chính-thất Nguyễn phu nhân chi mộ.

Hiếu tử : Khâm-sai Gia định Thành Tổng-Trấn chưởng-tả-quân Bình-tây Tướng-quân quận-công Lê văn-Duyệt lập.

2) Quân triều đình gồm có quan Thảo-nghịch Tả tướng quân là Tống Phúc-Lương quan tham-tán là Nguyễn Xuân Thảo - tạc hữu-tướng-quân là Phan văn-Thúy tham tán là Trương Minh Giảng cùng với Bình-khấu tướng quân là Trần văn-Năng đem thủy bộ binh tương vào rất nhiều.

3) Đức cha Marchand quê ở Passavant gần Vésoul bên nước Pháp, ra đi vào năm 1829 tới giảng-đạo ở Nam-kỳ.

Ai sửa lại quyển «Lục Vân-Tiên»...?

(*Tiếp theo trang 3*)

2. — Lục Vân-Tiên. Bản in chữ nôm do Duy-minh-Thị sao lục. T. T. Tường trông nom in. Chợ-lớn hiệu sách Quảng-thạnh-Nam-1865.

3. — Lục Vân-Tiên, poème populaire annamite transcrit pour la première fois en caractères latins d'après les textes démotiques avec des nombreuses notes explicatives par G. Janneau. Ouvrage publié par ordre du Contre-Amiral Dupré Gouverneur et Commandant en Chef en Cochinchine. Paris, Challamel aîné, 1873, in-8 p. p. 103+3pl.

4. — Les poèmes de l'Annam.— Lục Vân-Tiên ca điển. Texte en caractères figuratifs. Transcription en caractères latins et traduction par Abel Des Michels... Paris, Ernest Leroux 1883, gr. in-8 p. p. XVI-305 + texte autog. (Forme le Tome XIX des « Publications de l'Ecole des langues orientales vivantes ».

Notice; Bull. Soc. Acad. Indochinoise. 2e sér. III, 1890, p. 418 par E. G.

5. — Histoire du Grand Lettré Lục Vân-Tiên, poème populaire annamite. Traduction libre en vers français par E. Bajot, Chevalier de l'Ordre Royal du Cambodge-Ouvrage subventionné par le Conseil Colonial de la Cochinchine française en sa séance du 28 Décembre 1885. Saigon, Rey et Curiot. 1886, in 8. p. p. 16.

6. — Histoire du Grand Lettré Louc vian té-ian poème populaire annamite. Traduction libre en vers français par Eug. Bajot Chevalier de l'ordre Royal du Cambodge. Œuvre subventionnée par le Conseil Colonial de la Cochinchine française dans sa séance du 28 Décembre 1885. Paris, Challamel aîné, 1887, in-8, p. p. XXIII-223.

7. — N° 1 Lục Vân-Tiên truyện. Poèmes populaires annamites transcrits en quốc-ngữ, précédé d'un résumé analytique du sujet de chacun par P. J. B. Trương-Vĩnh-Ký. Saigon, Imprimerie Aug.Bock-1889, in-12, p. p. 79+1 f. n. ch.

8. — Lục Vân-Tiên truyện in lần thứ 4 coi lại sửa và thêm chú-giải chỗ khó và truyện tích nữa. Poèmes populaires annamites transcrits en quốc-ngữ précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun. 4e Edition revue, corrigée et augmentée de notes explicatives et historiques par P. J. B. Trương-Vĩnh-Ký. Saigon Claude et Cie Imp. Editeurs, 1897, in-8, pp. 100.

9. — Lục Vân-Tiên. Bản cũ soạn lại và thêm Nam Khách par Đặng Lễ-Nghi, publié par Đinh-Thái-Sơn. In lần thứ nhứt (1re édition) (Tout droit réservé). Saigon, Imp. Nam Tai, 1907, in 8, pp. 72.

10. — Lục Vân-Tiên giải nghĩa par Trần-Vinh-Quang Publié par Trần công-Đồng, Imprimerie Saigonnaise, 1908, 125×19, pp. 89.

11. — Lục Vân-Tiên Phú par Võ-Kim-Thấm, Employé de commerce, Saigon. In lần thứ nhất (1ère Edition) giá (prix) : 0$20. Cấm không ai được in theo bản này (Droit de reproduction réservé). Saigon, Phát-Toán, Librairie-Imprimeur, 55-57-59, Rue d'Ormay, 1910, in-8, pp. 23.

12. — Lục Vân-Tiên truyện. Edité par Rehoux. Saigon, 1910, 155×24, pp. 33.

13. — In lần thứ nhứt (1re édition. Giá : 0$15. Prix 0$15). Bài ca Lục Vân-Tiên. Mới đặt. Sáu thứ. Edité par Đặng-thanh-Kim Saigon, Imprimerie - Librairie Huỳnh - kim - Danh, 1913, in-8, pp. 20.

14. — Lục Vân-Tiên. Thơ và có hát Nam-Khách. Bổn cũ soạn lại của Đặng-Lễ-Nghi, Edité par Đặng-thái-Sơn Saigon, Nguyễn văn Của (Imprimerie de l'Union), 1919, 240×155, pp. 37 III.

15. — Lục Vân-Tiên. Bản cũ soạn lại. Saigon, Imp. Y. Viết, 1923, 240×160 pp. 64 ; III.

16. — Lục Vân-Tiên cổ tích tân truyện. Bản chữ nôm Hà-nội, Tự-văn-Đường tàng bản. Khải-định IX niên (1924), 122×170, 53 tờ.

17. — Lục Vân-Tiên truyện. Hải-phòng, Văn-Minh, 1924. Edition Nguyễn-ngọc-Xuân. Dépôt de vente Lib. Ich-Ký, Hà-nội, 155×110, pp. 96 III.

18. — Lục Vân-Tiên truyện. Kim-Khuê ấn-quán dịch và in. Hà-nội Kim-Khuê ấn-quán 1929, 177×155, pp. 96 III.

19. — Chiểu (Nguyễn Đình) Lục Vân-Tiên. Poème annamite traduit en frauçais par Nghiêm (Đỗ-đình-Nghiêm) et Liễn (Ngô-văn-Liễn). Préface Ứng-Hoè. Illustration de Nguyễn-đình-Chi. Hà-nội Imprimerie Lê-văn-Tân 1927, 255×165, pp. 321, III.

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Muốn làm giàu mua vé số

Dong Phap

1p·00 một vé

Tirage à la part du Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin 1927.

20. — Lục Vân-Tiên truyện. Kim-Khuê ấn-quán dịch và in 2e édition. Hà-nội Kim-Khuê ấn-quán, 1929, 177×155, pp. 96.

21. — Lục Vân-Tiên thơ. Saigon Tín-Đức thư-xã 1929, 235×155, pp. 43 III.

22. — Lục Vân-Tiên. Bổn cũ soạn lại. Edité par Phạm-văn-Thình. Saigon, Bảo-Tồn, 1931, 245×155, pp. 28 ; III.

23. — Lục Vân-Tiên thơ. Saigon, Tín-Đức thư-xã xuất bản, 1931, 240×155, pp. 28, III.

24. — Đính (Nguyễn Kim) Thơ Lục Vân-Tiên. Xuất-bản Nguyễn-đình-Khương, Saigon, Imp. Bảo-Tồn, 1933, 245×160, pp. 26, III.

25. — Chiều (Nguyễn-đình) Thơ Lục Vân-Tiên. Chép ra quốc-ngữ par Khấu-võ-Nghi. Edité par Nguyễn-báo-Vĩnh, Saigon, Imp. Xưa Nay, 1938, 245×160, pp. 28, III.

26. — Lục Vân-Tiên. Edité par Nhị-Thiên-Đường, Saigon S. D. 16×24, pp. 34.

27. — Lục Vân-Tiên truyện. Edité par Long-Quang, Hà-nội, Rue du Coton, S. D. 110×155, pp. 97.

K. V.

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Một vài kiến văn...

(Tiếp theo trang

Đây là nhà sảnh - đường tam mái dựng bằng tre lợp lá gồi, trong có quả chuông con và cái trống lớn dùng làm hiệu-lệnh. khoảng giữa là cái bàn dài, xung quanh có mấy hàng ghế lim của nhà trường. Trong cùng là bức chân dung Thống-chế Pétain, linh hồn của thanh-niên nước Pháp và Đế-quốc Pháp, từ-bi, hùng-vĩ chứng kiến các cuộc hội-họp của đoàn trẻ-em. Sảnh-đường cao rộng, gió thổi bốn bề : đây là nơi trẻ-em an cơm, hòa nhạc, diễn kịch, nghe diễn-thuyết v.v.., Trước cửa, một bên treo địa-đồ trại Cao-mật, sông, đê, đường lối phố-xá, vẽ rất rõ-rệt ; một bên giản chương-trình hoạt-động hằng ngày của đoàn trẻ em. Đại khái như chương-trình của Hướng-đạo đoàn : Sáng ra dậy sớm chào cờ, tập thể-thao ăn điểm tâm, làm thủ công, ăn bữa sáng ; nghỉ trưa, chiều đến, lại làm việc : sức đất xẻ rãnh, đắp đường v.v..., tập thể-thao, hạ cờ, đi tắm ăn cơm chiều. Tối đến hòa nhạc, ca-hát, hoặc đốt lửa trại, rồi đi ngủ.

Nhà ngủ cũng làm bằng tre lợp lá gồi, có nhiều cửa ra vào, trong nhà kê giường gỗ, có màn sạch-sẽ, có lối đi rộng rãi, coi rất vệ-sinh. Sau là nhà chứa lương thực và nơi làm cơm. nhà này là cái quán ngói ba gian rộng, nền cao, trước cửa treo cai biển lớn đề chữ « Intendance ». Trong đề gạo nước, củi giác, bát đĩa v.v...

Trong khi chờ tạnh mưa, trưởng trại Cao Đắc-Tiến cho anh em thể-thao biết qua mục đích và sự sinh hoạt của trại thanh-niên Cao-mật : mỗi kỳ đi nghỉ mát hạn là 20 hôm. Đây mới là kỳ đầu : trẻ em hôm mới đến trại có ý nhớ nhà và muốn về song các trò vui hằng ngày và nhất là sự thân mật của giáo-viên cùng các đoàn-sinh đã quyến rũ các em ; bây giờ không em nào đòi về nữa. Đoàn thanh-niên Hà-thành đem lại cho các em một bầu không-khí trẻ-trung vui khỏe, các em ca hát vang lừng trong cảnh thiên-nhiên để đón chào chúng tôi.

Mưa độ nửa giờ thì tạnh, đoàn thể thao từ giã trại trưởng và các trẻ em rồi lên xe ra về. Nhờ có trận mưa nên đường đi sạch-sẽ, không-khí mát mẻ, anh em giong ruổi trở về với vẻ hân hoan.

(Hết) VU NGÃ

Hành trạng của cụ Trạng-Nguyên Nguyễn-Trực, và hai cụ Hoàng giáp Hoàng Bá-Đương, Lê-Huy-Trâm viết theo Đăng Khoa Lục của Nguyễn-Hoãn, Thanh-Oại Tấn thân phả kỷ lược của Vũ-Phạm-Thăng, báo Tri-Tân số 28 ngày 19-12-41 về mục các ông Nghè Triều Lê của nguyễn văn-Tố và báo duốc-tuệ số 115 ngày 1er 9-39).

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao

Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*

Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*

Sagon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 28

NGUYỄN HUY TƯỞNG

HẮN kéo nàng lại bàn đặt ngồi xuống ghế. Người thiếu-nữ nhất định không ngồi mà không được. Nàng ôm mặt khóc rưng-rức. Đặng Lân vịn vai nàng, nàng ấy mạnh ra. Hắn nói :

— Đừng thấy ta yêu mà làm nũng. Chết bây giờ.

Nàng nói :

— Chết thì chết tao không sợ mày.

— A ! con này giỏi.

Hắn ghì chặt đầu nàng, để ngửa mặt lên, đổ một chén rượu vào mồm. Nàng sặc-sụa. Đặng-Lân đổ luôn ba chén, Người nàng choáng - váng, mặt nàng đỏ bừng trông rất có duyên. Lân ngắm nàng, không chớp. Cô Ngọc định chạy, nàng loạng-choạng không sao bước vững.

Đặng-Lân truyền triệt soạn Tuy say, nhưng cô Ngọc cũng biết là tình thế nguy ngập. Nàng quyết không chịu nhục, nhưng vì không tự chủ được chân tay, nàng bị kéo từ từ đến bên giường thất - bảo Nhưng khi bị đặt mình trên đệm gấm, nàng bỗng trồm lên. Trong một lúc mãnh liệt, nàng cắn mạnh vào vai Đặng-Lân đến nỗi hắn không chịu được phải kêu rít lên như con rắn độc Khi gỡ được ra, hắn tức giận, hai tay đè xuống ngực nàng, mắt lộ đầy tà dục và tàn ác. Nhưng cô Ngọc đã vùng dậy Cố bảo toàn trinh tiết người thiếu-nữ thấy như ai truyền cho thêm sức mạnh. Một cuộc vật lộn dữ-dội trên giường thất-bảo : Đặng-Lân trước còn gượng nhẹ sau thấy nàng nhất quyết chống-cự, hắn nghiến răng nói :

— Mày đã muốn chết thì cho mày chết.

Hắn lấy hai tay thọi mạnh một cái vào mạng mũ người thiếu nữ. Đau quá, không chịu được, nàng ngã xuống đệm, mắt nàng hoa lên, uảng cảm thấy bất lực, như một người bị bóng đè.

Nhưng giữa lúc cậu Trời đang say-sưa vì cuộc đắc thắng sự thảo-mãn lòng dục chỉ còn trong gang tấc, thì thấy đồ rồn tiếng trống cáo cấp. Hắn giật mình. Bọn gia-nhân hớt-hơ hớt-hải chạy vào báo :

— Thưa cậu ! Thằng Nguyễn-Mại.

Nghe tiếng Nguyễn-Mại, cậu Trời chột dạ. Hắn truyền :

— Bắt lấy nó cho cậu Chỗ này là chỗ nghiêm cấm, có lệnh của Chúa thượng, đứa nào vào là mang tội chết chém. Nó đến ngày tận số...

Lệnh truyền chưa xong, thì đã thấy Nguyễn-Mại tới gần bọn gia-nhân xúm lại ngăn cản mà không nổi . .

Nguyên buổi trưa hôm ấy, Mại ngồi trong tư thất, ăn cơm với vợ. Mặt Mại hơi buồn, chàng phiền vì sự bất công của chúa Tĩnh - Đô, cả sự bất mình nữa. Mấy hôm trước, chàng đã bị chúa gọi vào quở mắng, còn đe sẽ trị tội nặng

Chàng biết Tuyên-Phi đã ton hót Mại không chán-nản, nhưng làm việc cũng kém vui, Tuy vậy, chàng vẫn không để biếng nhác việc canh-phòng. Chàng tự nhủ .

— Chúa cấm, nhưng lương - tâm ta không cấm. Ta còn giữ chức Hộ-thành thì ta quyết không tha một kẻ nào làm điều trái phép, dù kẻ ấy làm gì cũng mặc . .

Chàng đang ăn cơm thì một bọn lính chạy vào báo việc cậu Trời xuất phu. chàng đặt đũa xuống, nét mặt hớn hở :

— Đã lâu, ta chỉ mong nó giở thủ đoạn hiếp gái giữa đường, để, ta kết tội nó. Nay nó. chứng nào lại tật ấy, thực là một cơ - hội tốt để trừ hại cho nhân-dân.

Chàng với thanh kiếm treo trên tường,. Vợ chàng hỏi :

— Thày nó định làm gì ?

— Cố giết cho bằng được Đặng-Lân .

— Thế còn Chúa - thượng ? Còn Tuyên-phi ?

— Ấy cũng vì có Chúa-thượng và Tuyên-phi nên ta phải giết nó...

Nhưng còn...

Nàng ngập-ngừng không nói hết. Mại hiểu ý. vẻ lưỡng lự lộ trên nét mặt :

— Tôi phải giết nó, mình ạ. Phải trừ cho tiệt nọc. Bắt nó, Chúa lại tha, nó lại càng hoành hành, nhân-dân lại càng khổ-sở. Giết nó đi là xong, tôi sẽ mang tội với Chúa. .

Chàng cố giữ vẻ thản - nhiên, nhưng một vẻ buồn thoáng qua mặt vợ, chàng cầm tay nàng và nói :

— Có lẽ tôi phải vĩnh biệt cùng mình, ít lâu nay tôi vẫn nuôi cái ý giết Đặng - Lân mà chưa có dịp. Giết nó thì vạ đến mình, nhưng không làm thế, thì chẳng bao giờ xong cả.

Nàng nhìn chồng âu yếm :

— Cái nghĩa khi của thầy nó, em đâu giám cản. Nhưng chỉ nghĩ...

— Mình vốn là người tần-tảo, nuôi mẹ nuôi con hộ tôi.

— Đó là phận sự của em.

— Mình nên sắp-sửa cho con về quê, mẹ biết tin sẽ thương tôi, nhưng người vốn có khí-tiết, chắc cũng không đau lòng lắm Tôi đã có mụn con nối dõi tông đường. mình nên tùy xem khiếu nó mà cho theo văn, hay theo võ.

— Mẹ là mẹ chang, còn nuôi dạy

con cái là phận-sự của em. Thầy nó cứ yên tâm. Thầy nó đã biết em thế nào rồi. Chỉ nghĩ. .

Nàng không nói được nữa, tới bàn rót chén rượu. đưa cho chồng nói run run :

— Xin thầy nó uống cạn chén này.

Lòng Nguyễn Mại tan ra như nước loãng. Chàng cầm chén rượu, nhìn vợ thấy nàng buồn rười rượi, mắt rơm rớm lệ. Chàng không nỡ chìa tay. Chàng muốn nói rõ lòng thương yêu của chàng đối với bạn tao khang. Nàng đã phải bao nhiêu nỗi vất vả, thiệt thòi, nhưng không hề thốt ra một nhời than-vãn, nay nàng mới được một chút vinh hao, mới đầy một tháng !...

Mại không nói, uống cạn cốc rượu.

Dũng con chàng, một cậu bé lên năm.trông cứng cáp và nhanh nhẹn, ở trong nhà chạy ra. tay trái kéo một con chó lớn, tay phải cầm một chiếc kiếm gỗ. Mại tươi cười hỏi :

— Con làm gì đấy ? Dũng !

— Con cưỡi ngựa.

Hai vợ chồng cùng cười. Chàng bế bỗng con lên, hôn hít con... Vợ tưởng chàng quên đi, nàng mong cái phút vui đầm-ấm này kéo Dài mãi để chồng nàng nhỡ việc. Nhưng Mại đã đặt con xuống, và nói :

— Con ở nhà ngoan nhé !

Chàng tới cầm tay vợ :

— Tôi phải đi, không dùng dằng được nữa.

Và lạnh lùng, chàng bước ra, khép cánh cửa lại, trong khi vợ chàng ôm lấy đứa con ngơ-ngác, thổn thức bên mâm cơm trơ trọi.

Thấy quan Hộ-thành ngỏ ý giết cậu Trời, các linh tráng đều kinh sợ, có mấy người già cả can chàng. Mại nói :

— Việc phải làm, ta cứ làm. Đánh ngựa mau cho ta. Ta không để một người nào theo ta cho liên lụy ý ta đã quyết thì không có sức gì ngăn cản được ta.

Phạm-Kinh, Đặng-Phan tiến lên :

— Bẩm quan lớn, anh em chúng con xin theo quan lớn, chết cũng xin đành.

Cả bọn lính nói :

— Chúng con can-ngăn quan lớn có phải vì sợ đâu, nhưng vì mến quan lớn. Quan lớn có mệnh-hệ nào, thì chức Hộ-thành không ai cáng nổi.

Ta chết, đã có người khác, thiên-hạ thiếu gì người ?

Người ta đã dắt ngựa tới. Mại nhảy lên yên, định ra roi, thì bọn lính đã nói :

— Quan lớn đi, chúng con xin theo quan lớn, cho trọn nghĩa thầy trò.

— Ta biết các ngươi có nghĩa, nhưng ta không muốn để ai liên lụy.

— Chúng con dẫu chết không oán hận, xin quan lớn cho đi.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Sau « Đêm hội Long-trì » là thiên tiểu-thuyết lịch-sử sắp đăng hết, Tri-Tân sẽ cống-hiến các bạn đọc qui mến hai món quà rất lý-thú và rất hy-kỳ :

1· **Vũ như-Tô**, kịch lịch-sử của *Nguyễn Huy-Tưởng* (Tả rõ cái say-sưa, lòng yêu nghệ thuật của Vũ-Như-Tô, người có thiên-tài về khoa kiến-trúc ở đời vua Lê Tương-Dực. Độc-giả nhân đó sẽ thấy cái cớ tại sao nước ta ngày xưa thiếu những kiểu lạ mẫu khéo về nghề kiến-trúc, thua kém các nước láng-giềng về phần đẹp đẽ hùng tráng của các đền, đài, chùa tháp, v. v.)

2· **Cháy cung Chương Võ** tiểu-thuyết của Chu-Thiên

(Rồi sau Trần Thủ-Độ làm thế nào mà thống nhất được thiên-hạ ? Hai nhà tráng-sĩ để vương Nguyễn Nộn và Đoàn-Thượng vì đâu mà thua tan ?...

Tất cả sẽ thấy diễn ra trong cuốn **Cháy cung Chương Võ** mà vai, chính Đoàn công tử tức Đoàn-Văn con Đoàn Đông hải đại vương sẽ cho ta biết những hành động những xử-sự phi thường và vô cùng cảm-động).

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điền (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Nựu *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vergé bouffant *8$50*
Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer HAIPHONG

TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA

do nhà

HÀN - THUYÊN

71, Tiên-Tsin — HANOI

MỚI CÓ BÁN *2$20*

NGUỒN GỐC VĂN MINH
Trong bộ « NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ »
của NGUYỄN BÁCH KHOA

ĐÃ XUẤT BẢN

— **NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ** (1$80)
của *NGUYỄN BÁCH KHOA*
— **ÓC KHOA HỌC** (2$20)
của P. N. KHUÊ
— **GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI** (1$80)
— **ĐỜI SỐNG THÁI CỔ** (2$20)
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

*

Ở xa mua 1 cuốn xin trả tiền trước thêm 0$40 cước. Không lệ bán lĩnh hóa giao ngân

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur Gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi